

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.	3
1.1: Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.....	3
1.1.2: Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.2.1: Khái niệm về doanh thu	3
1.1.2.2: Khái niệm về một số chi phí	7
1.1.2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh.	8
1.1.3: Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	9
1.2: Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	9
1.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán.....	13
1.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	14
1.2.3.1: Kế toán chi phí bán hàng.....	14
1.2.3.2: Chi phí QLDN.....	15
1.2.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.	17
1.2.4.1: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	17
1.2.4.2: Kế toán chi phí hoạt động tài chính	18
1.2.5: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	20
1.2.5.1: Kế toán thu nhập khác.....	20
1.2.5.2: Kế toán chi phí khác.....	22
1.2.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.3: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	25
1.3.1: Hình thức Nhật ký chung	26
1.3.2: Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.3: Hình thức Nhật ký-Sổ cái.....	29
1.3.4: Hình thức Nhật ký-Chứng từ	30

1.3.5: Hình thức trên máy vi tính	31
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN THANH HƯƠNG	32
2.1: Khát quát chung về Công ty TNHH In Thanh Hương.....	32
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH In Thanh Hương. 32	
2.1.2: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	33
2.1.2.1: Sơ đồ bộ máy công ty.....	33
2.1.2.2: Chức năng của các phòng ban.....	33
2.1.3.2: Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản tại kế toán.....	35
2.1.3.3: Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại công ty.....	35
2.1.3.4: Các chính sách và phương pháp kế toán tại công ty.....	35
2.1.3.5: Hình thức sổ kế toán tại công ty.	35
2.2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương.	36
2.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH In Thanh Hương.....	36
2.2.1.1: Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty	36
2.2.1.2: Tài khoản, chứng từ , sổ sách sử dụng	36
2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán.....	42
2.2.2.1: Nội dung của giá vốn	42
2.2.2.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng	42
2.2.2.3: Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh Công ty TNHH In Thanh Hương.....	43
2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương.....	48
2.2.3.1: Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.....	48
2.2.3.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng	48
2.2.3.3: Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty In Thanh Hương.....	49
2.2.4: Kế toán xác định doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại chi nhánh công ty TNHH In Thanh Hương.	57
2.2.4.1: Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH In Thanh Hương.....	57
2.2.4.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng.	57
2.2.4.3: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại chi nhánh công ty TNHH In Thanh Hương	57

2.2.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	65
2.2.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.....	65
2.2.6.1: Chứng từ và tài khoản sử dụng	65
2.2.6.2: Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.....	65
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN THANH HƯƠNG.....	75
3.1: Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.	75
3.1.1: Ưu điểm.....	75
3.1.2: Nhược điểm.....	77
3.2: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.....	78
3.2.1: Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.	78
3.2.2: Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.....	78
3.2.3.2: Hoàn thiện lập dự phòng phải thu khó đòi ở công ty TNHH In Thanh Hương.....	86
3.2.3.3. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.....	88
3.2.3.4. Một số kiến nghị khác	89
3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương.....	90
KẾT LUẬN	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

LỜI MỞ ĐẦU

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng XHCN. Bất kì một doanh nghiệp nào dù sản xuất kinh doanh hay thương mại đều thông qua khâu tiêu thụ và lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu. Muốn làm được việc làm đó thì các nhà quản lí phải nhận thức được vai trò của công tác kế toán. Kế toán là nguồn cung cấp thông tin cần thiết để quản lí hiệu quả hoạt động kinh tế của cả công ty.

Doanh thu bán hàng ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh có quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền bán hàng thu được, chi phí là toàn bộ số tiền bỏ ra trong hoạt động sản xuất còn kết quả kinh doanh là quá trình xác định doanh thu bán hàng của một kỳ trừ đi chi phí đã bỏ ra đem lại kết quả cho hoạt động kinh doanh. Để phản ánh doanh thu đầy đủ và chi phí hợp lí, xác định kết quả kinh doanh chính xác thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng, đồng thời việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết đối với tất cả các doanh nghiệp.

Công ty TNHH In Thanh Hương là một công ty sản xuất chuyên về các mặt hàng in ấn như: lịch, giấy mời, đơn, thiệp mời.....Do đó quá trình tiêu thụ hàng hóa, xác định và phân phối kết quả kinh doanh là rất quan trọng đối với công ty. Từ nhận thức nêu trên và thời gian thực tập tại Công ty TNHH In Thanh Hương em đã đi sâu nghiên cứu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Em đã chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp là “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương”.

Nội dung của khóa luận ngoài lời nói đầu và kết luận được chia thành ba chương chính như sau:

Chương 1: Những vấn đề lí luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương.

Tuy đã cố gắng nghiên cứu và tìm tòi nắm bắt tình hình thực tế tại công ty, xong do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự tham gia góp ý của các thầy cô giáo, cô hướng dẫn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.

1.1: Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1: Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau nhưng kế toán là công cụ hữu hiệu nhất. Để công cụ này phát huy hiệu quả đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh với doanh nghiệp là việc hết sức cần thiết giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2: Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1: Khái niệm về doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Bao gồm các loại doanh thu sau:

❖ Doanh thu hoạt động bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán số 14 doanh thu sản phẩm và hàng hóa chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp đây là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại cửa hàng hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp, sau khi người mua nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao chính thức được coi là tiêu thụ, doanh thu được ghi nhận.
- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận thanh toán: theo phương thức này, bên chuyên hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng, số hàng chuyển đi vẫn thuộc sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được bên người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu, doanh thu được ghi nhận.
- Tiêu thụ theo phương pháp trả chậm, trả góp: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm trả góp.
- Tiêu thụ theo phương thức đại lý: là phương thức mà bên bán chuyển giao cho bên nhận đại lý, khi nhận được báo cáo bán hàng do bên đại lý gửi, doanh thu và giá vốn của hàng bán được ghi nhận.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kì theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kì đó. Kết quả giao dịch được xác định thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

❖ **Doanh thu thuần:**

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

- Hàng bán bị trả lại: Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng hóa đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách,. Khi doanh nghiệp ghi nhận hàng bán bị trả lại cần đồng thời giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kì.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh khi doanh nghiệp sản xuất các loại sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp các loại dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

+ Thuế xuất khẩu cũng được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hoặc biên giới. Doanh thu của hàng hóa xuất khẩu đã bao gồm cả thuế xuất khẩu phải nộp cho Ngân sách Nhà nước.

+ Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp được coi là một khoản giảm trừ doanh thu. Doanh thu của sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp đã bao gồm thuế GTGT. Vì vậy số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Là khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu, tiền lãi, chênh lệch tỉ giá hối đoái trong quan hệ thanh toán, thu từ chiết khấu thanh toán được hưởng, thu từ bán hàng trả chậm trả góp.

Bao gồm:

- Tiền lãi, lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ....
- Cổ tức lợi nhuận được chia.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Thu nhập về thu hồi, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác..
- Thu nhập về hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỉ giá hối đoái.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

* Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ nghiệp vụ đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ quyền góp vốn.

❖ **Thu nhập khác**

Là giá trị các lợi ích doanh nghiệp thu được ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường như thanh lý, nhượng bán TSCĐ, số tiền doanh nghiệp thu được từ phạt khách hàng vi phạm hợp đồng, thu từ hoạt động viện trợ...

Bao gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.
- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường.

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ vào chi phí kì trước.
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại.
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2: Khái niệm về một số chi phí

- **Chi phí** là phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ.

- **Giá vốn hàng bán** là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán còn là chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát tính không lớn) ...Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn hàng bán là giá thành của sản phẩm (đối với doanh nghiệp sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua (đối với doanh nghiệp thương mại).

- **Chi phí bán hàng** là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.
- Chi phí vật liệu phục vụ bán hàng.
- Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo.
- Chi phí hoa hồng đại lý.
- Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa.
- Chi phí khác bằng tiền phục vụ công tác bán hàng.

- **Chi phí quản lí doanh nghiệp** là các chi phí quản lí chung của doanh nghiệp, bao gồm các chi phí như sau:

- Chi phí lương nhân viên bộ phận QLDN.(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp khác)
- BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên QLDN
- Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dung

cho QLDN.

- Tiền thuê đất, thuế môn bài.
- Các khoản lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi.
- Các dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại....)

- **Chi phí tài chính** bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính bao gồm:

Chi trả tiền lãi từ vay dài hạn, vay ngắn hạn.

- Lỗ từ bán chứng khoán
- Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh
- Chênh lệch tỉ giá hối đoái
- Chi chiết khấu thanh toán cho người mua
- Tiền lãi do mua hàng theo hình thức trả chậm, trả góp.

- **Chi phí khác** là chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn. Chi phí khác bao gồm:

- Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi nhượng bán, thanh lý.
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại TSCĐ
- Chi do tài trợ viện trợ, biếu tặng.
- Số tiền do doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

1.1.2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm các sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý nhượng bán BĐS đầu tư, chi phí bán hàng, chi phí QLDN).

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

▪ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính.

▪ Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.3: Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hóa tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần).
- Phân bổ chi phí mua hàng cho số hàng đã bán trong kỳ và lượng hàng tồn cuối kỳ. Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hóa, phát hiện xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng.
- Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo hàng hóa chi tiết, đầy đủ. Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.
- Theo dõi, phản ánh các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính. Trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- Ghi chép, theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ. Kế toán cần tính toán, phản ánh chính xác đầy đủ và kịp thời các hoạt động khác diễn ra trong kỳ.

1.2: Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ, các khoản giảm trừ doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- a. Các chứng từ sử dụng.
 - Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)
 - Phiếu xuất kho, biên bản bàn giao hàng hóa, thành phẩm.
 - Sổ chi tiết, sổ cái.
 - Chứng từ tính thuế.
 - Phiếu thu tiền mặt.

- Giấy báo có của ngân hàng.

b. Tài khoản sử dụng

Để phản ánh các tài khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng những tài khoản sau:

❖ **Tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- + Bán hàng : bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bất động sản đầu tư .
- + Cung cấp dịch vụ : thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

Kết cấu tài khoản 511:

Bên nợ:

- (1) Số thuế TTĐB hoặc thuế XNK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- (2) Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- (3) Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- (4) Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (521)
- (5) Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

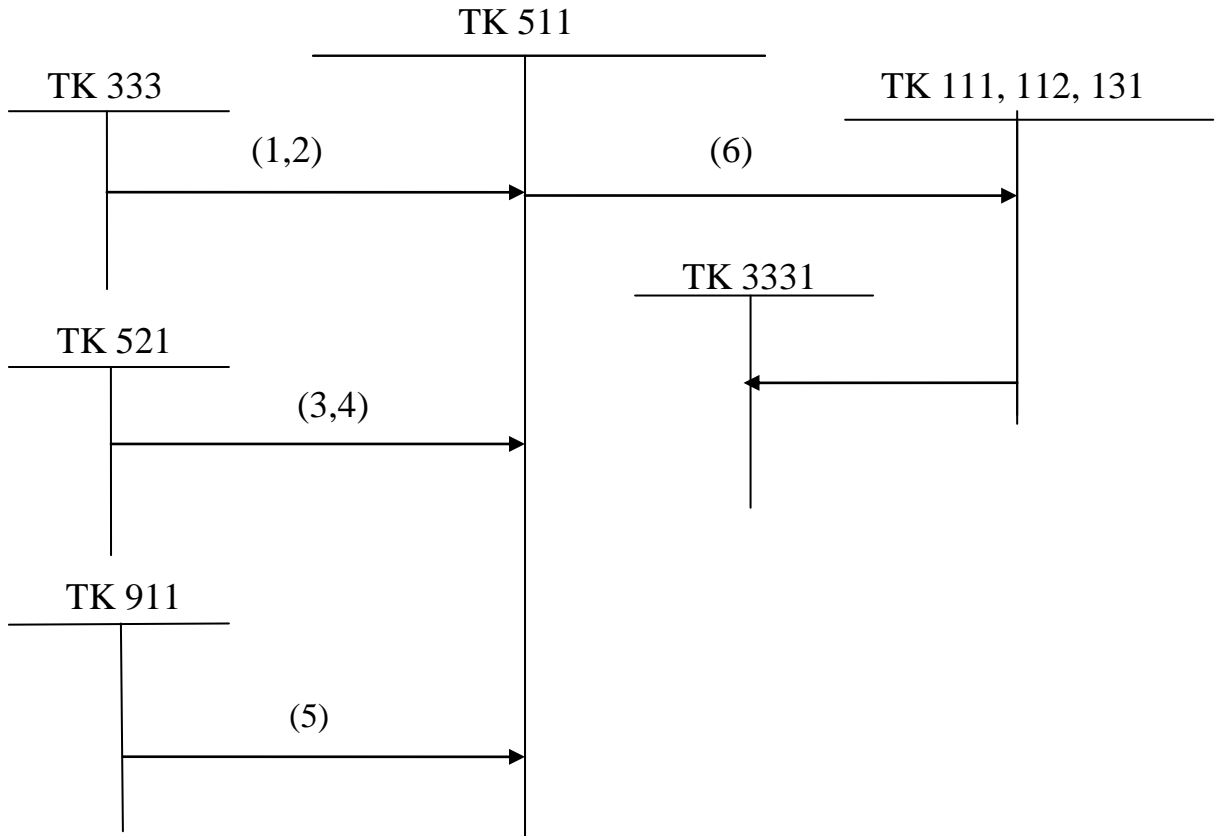
Bên có:

- (6) Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ và có 4 tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: doanh thu bán hàng.
- + TK 5112: doanh thu thành phẩm.
- + TK 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ.
- + TK 5118: doanh thu khác.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng



Các khoản giảm trừ doanh thu: Tài khoản 521

❖ Tài khoản 5211: chiết khấu thương mại

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng.

Kết cấu tài khoản 521:

Bên nợ:

- (1) Chiết khấu thương mại
- (2) Thuế GTGT của phần chiết khấu thương mại

Bên có:

- (3) Kết chuyển làm giảm trừ doanh thu

❖ Tài khoản 5212: hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém chất lượng...

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- (1) Trả tiền cho người mua
- (2) Hàng bán bị trả lại không thuế GTGT
- (3) Thuế GTGT hàng bán bị trả lại

Bên có:

- (4) Kết chuyển làm giảm trừ doanh thu

❖ **Tài khoản 5213: giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán là các khoản giảm trừ doanh nghiệp đồng ý chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trong hóa đơn vì lý do hàng bán bị trả lại kém phẩm chất, không đúng quy cách hay đúng thời hạn hợp đồng.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp nhận giảm giá sau khi bán hàng và phát sinh hóa đơn do hàng kém phẩm chất.

Kết cấu tài khoản:

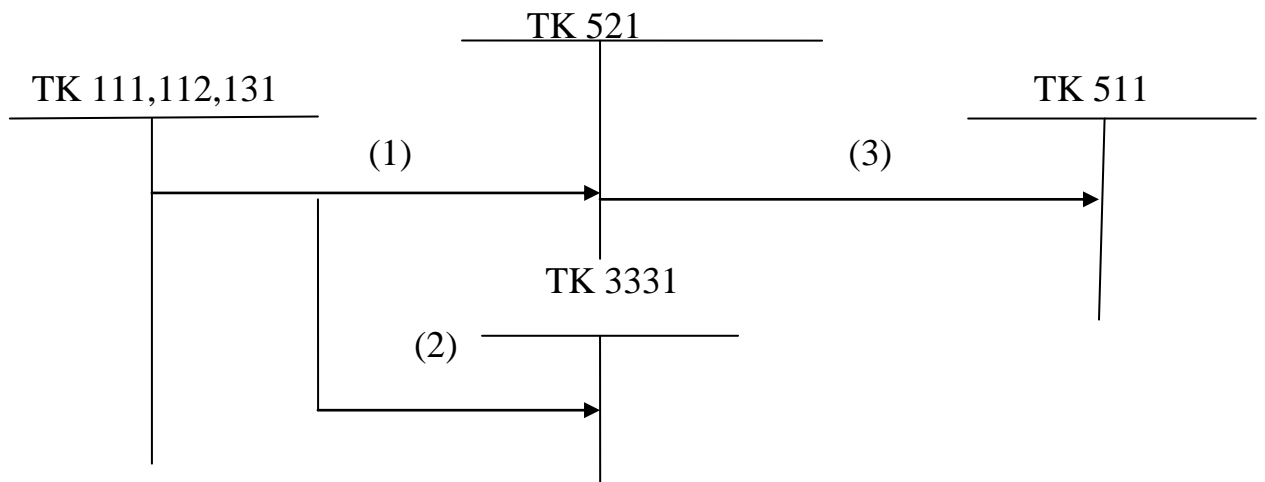
Bên nợ:

- (1) Giá trị hàng bán giảm giá không thuế
- (2) Số thuế GTGT của hàng giảm giá

Bên có:

- (3) Kết chuyển số giảm giá

Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

1.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ, BĐS đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

b. Các phương pháp tính giá.

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- Phương pháp bình quân liên hoàn
- Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp nhập sau xuất trước

c. Kết cấu tài khoản 632

Bên nợ:

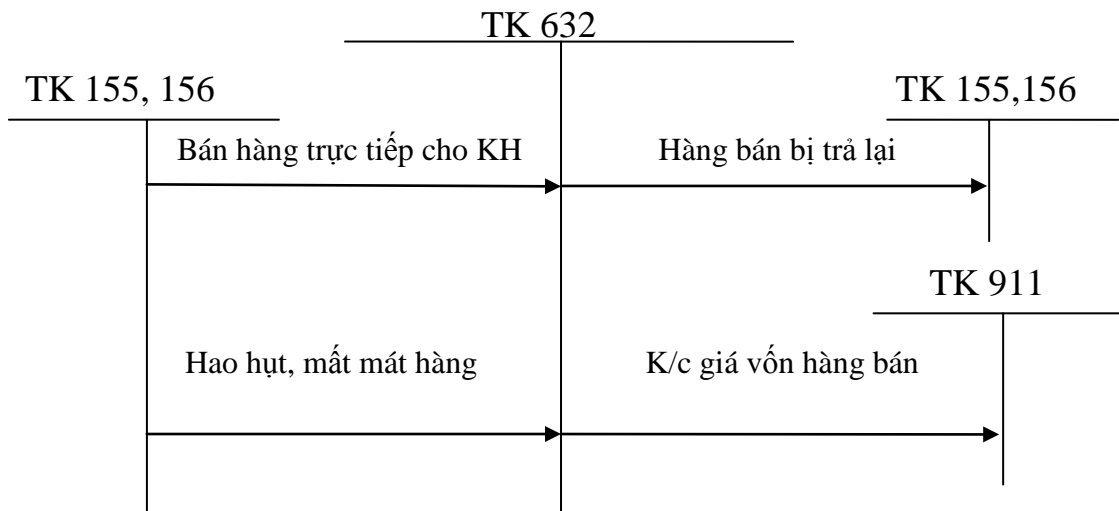
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa
- Dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ sang TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh .
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số phải nhập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

d.Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán TK giá vốn hàng bán.

1.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1: Kế toán chi phí bán hàng

a.Khái niệm

Chi phí bán hàng là khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí khấu hao bộ phận bán hàng.

b.Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Chứng từ kế toán liên quan

c.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 6421 “ chi phí bán hàng”.
- Tài khoản không có số dư.

d.Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

- (1) Chi phí NVL, CCDC.
- (2) Thuế VAT đầu vào của chi phí NVL, CCDC.
- (3) Chi phí lương và các khoản trích theo lương.
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ.
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dịch vụ khác.

Bên có:

- (7) Các khoản thu làm giảm chi phí.
- (8) Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng để XĐKQKD.
- (9) Hoàn nhập dự phòng phải trả.

1.2.3.2: Chi phí QLDN

a.Khái niệm

Chi phí QLDN phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, ...

b.Chứng từ kế toán sử dụng

- phiếu chi
- hóa đơn giá trị gia tăng
- các chứng từ kế toán sử dụng

c.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 6422 “ chi phí QLDN”
- Tài khoản không có số dư đầu kỳ

d.Kết cấu tài khoản

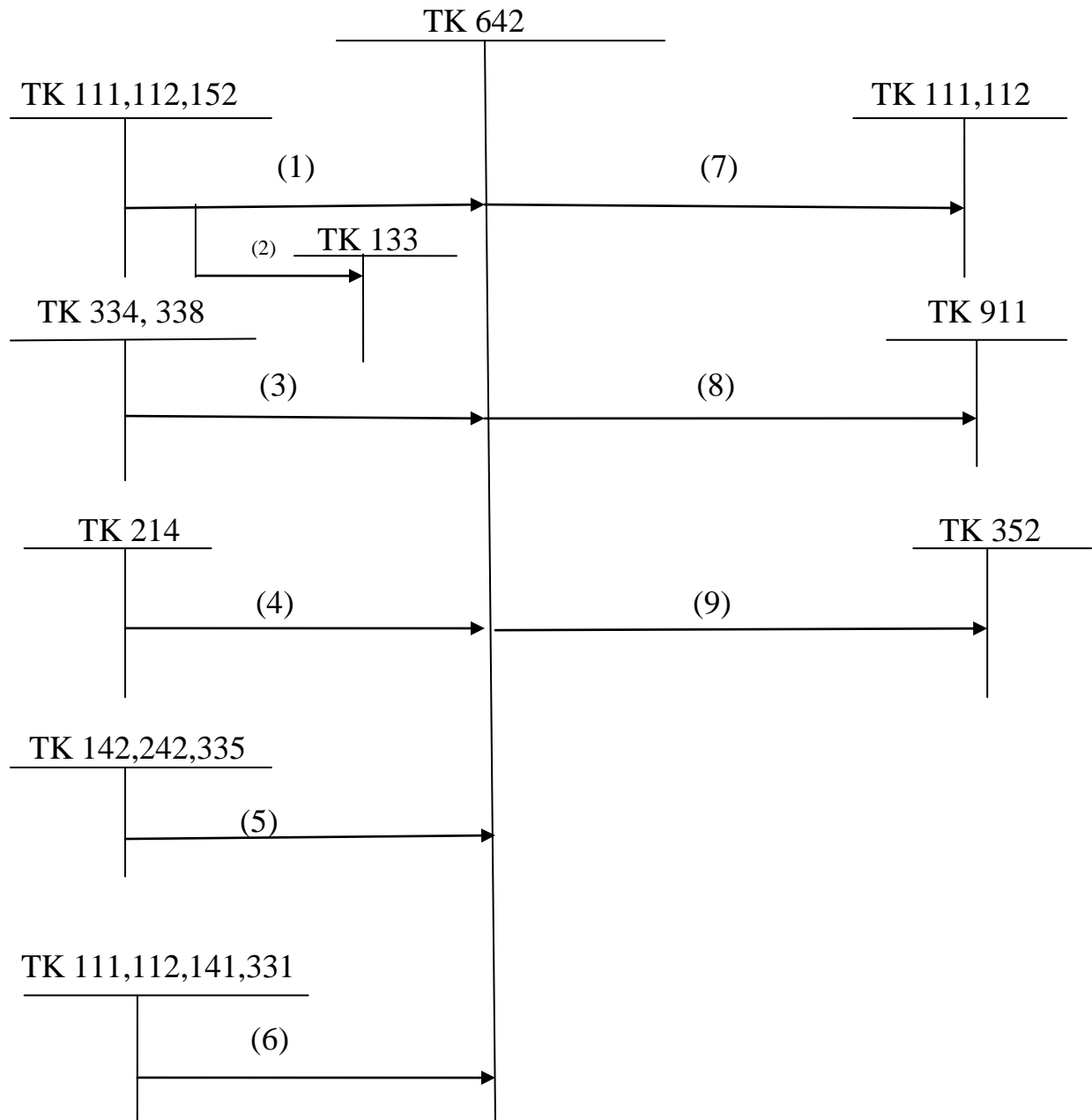
Bên nợ:

- (1) Chi phí NVL, CCDC.
- (2) Thuế VAT đầu vào của chi phí NVL, CCDC.
- (3) Chi phí lương và các khoản trích theo lương.
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ.
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước.
- (6) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dịch vụ khác.

Bên có:

- (7) Các khoản thu làm giảm chi phí.
- (8) Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng để XĐKQKD.
- (9) Hoàn nhập dự phòng phải trả.

e.Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 “doanh thu hoạt động tài chính”
- Tài khoản 515 không có số dư.

c. Kết cấu tài khoản

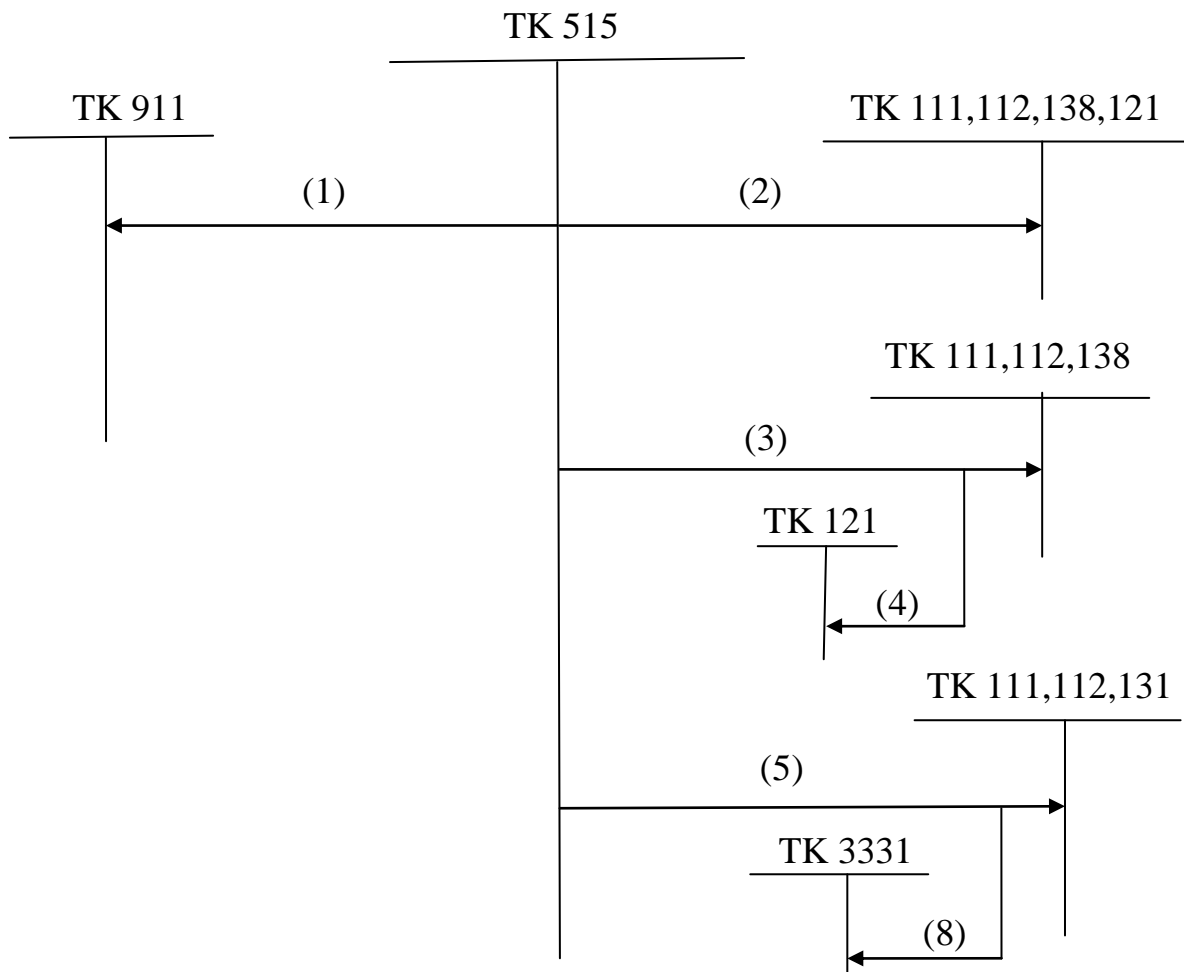
Bên nợ:

- (1) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.

Bên có:

- (2) Các khoản thu nhập từ HĐKD, định kỳ thu lãi tín phiếu, trái phiếu, cổ tức được hưởng.
- (3) Tiền lãi khi thanh toán chuyển nhượng đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- (4) Giá gốc của chứng khoán.
- (5) Thu nhập từ bán ngoại tệ, cho thuê TSCĐ tài chính, bất động sản.
- (6) Thuế VAT của hoạt động.

d.Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán TK doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.4.2: Kế toán chi phí hoạt động tài chính

a.Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí và các khoản lỗ có liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ hồi đoái...

b.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 “ chi phí hoạt động tài chính”.
- Tài khoản này không có số dư .

c.Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

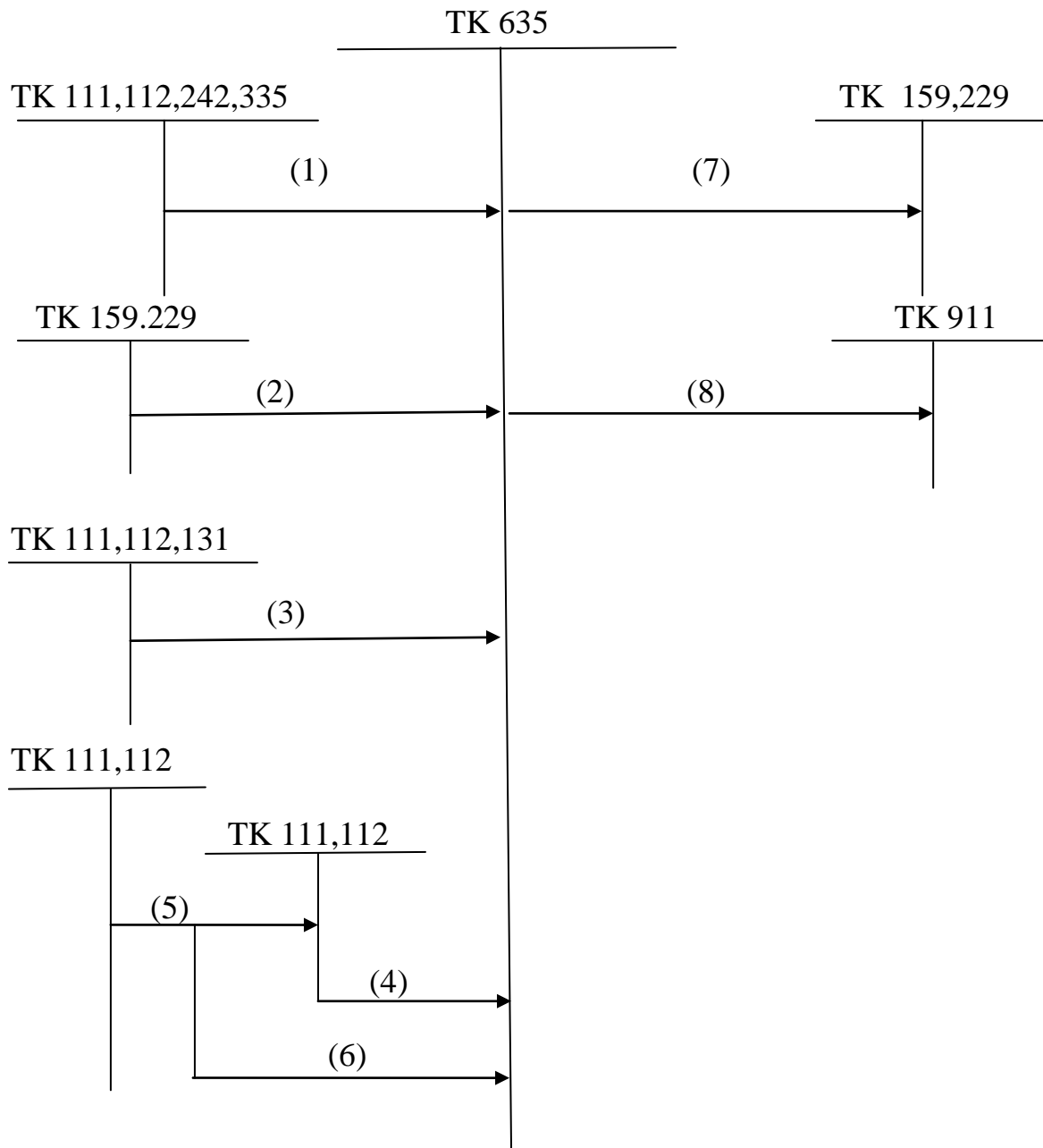
- (1) Trả lãi vay, phân bổ lãi mà hàng trả chậm, trả góp.
- (2) Dự phòng giảm giá đầu tư.
- (3) Lỗ về các khoản đầu tư.
- (4) Chi phí hoạt động liên doanh, liên kết.
- (5) Bán ngoại tệ (giá ghi sổ).
- (6) Lỗ về bán ngoại tệ.

Bên có:

- (7) Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư.
- (8) Kế chuyển chi phí hoạt động tài chính cuối kỳ.

d.Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán TK chi phí hoạt động tài chính.



1.2.5: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.5.1: Kế toán thu nhập khác

a.Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh thu nhập từ những hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 “ thu nhập khác”.
- Tài khoản 711 không có số dư.

c.Kết cấu tài khoản

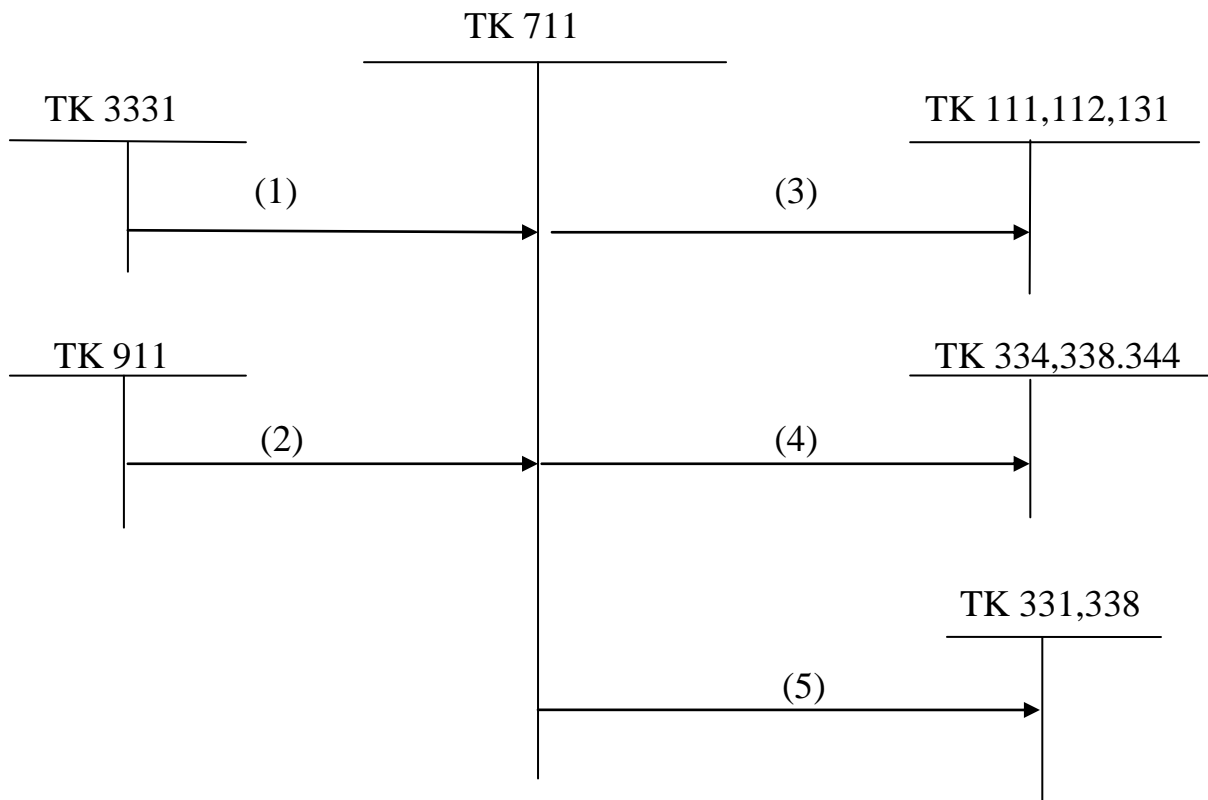
Bên nợ:

- (1) Thuế VAT phải nộp theo phương pháp trực tiếp đối với hoạt động khác.
- (2) Kết chuyển thu nhập khác.

Bên có:

- (3) Thu thanh lý TSCĐ, thu từ khoản phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.
- (4) Tiền phạt khấu trừ vào lương.
- (5) Các khoản nợ phải trả chủ nợ, các khoản chủ nợ không đòi.

d.Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán TK thu nhập khác.

1.2.5.2: Kế toán chi phí khác.

a. Khái niệm

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu cho doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hoặc các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế TNDN.

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811 “ chi phí khác”.
- Tài khoản 811 không có số dư.

c. Kết cấu tài khoản

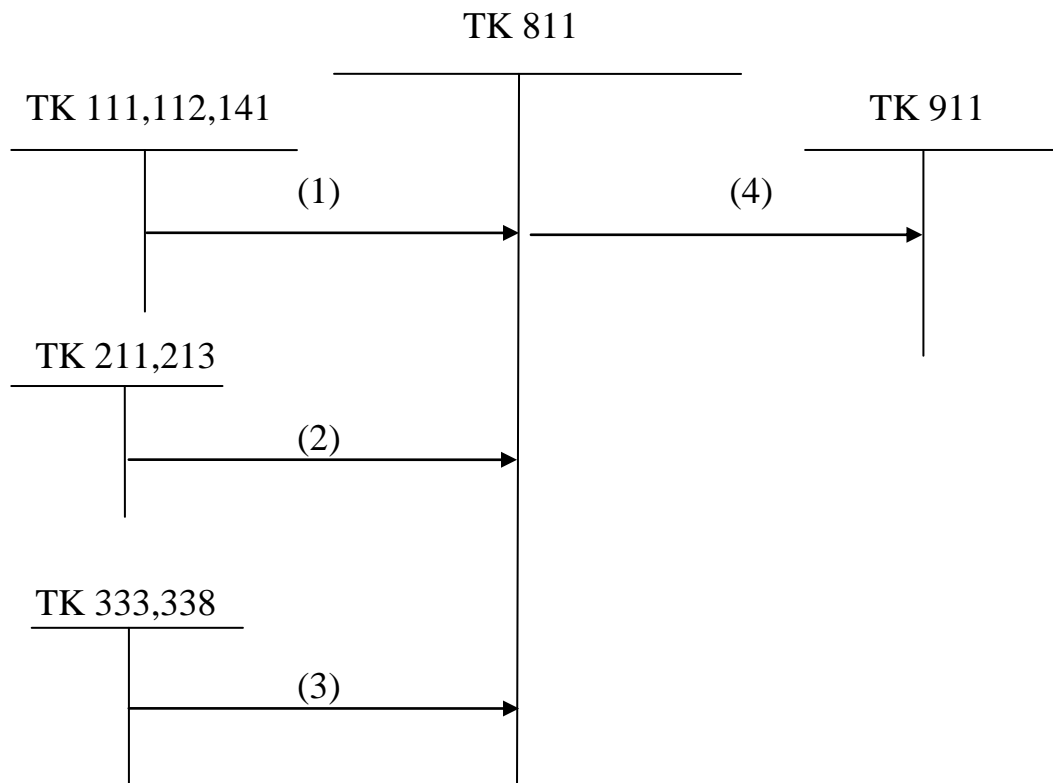
Bên nợ :

- (1) Chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh.
- (2) Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- (3) Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế và các khoản phải nộp khác.

Bên có:

- (4) Kết chuyển chi phí khác

d.Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán TK chi phí khác.

1.2.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a.Khái niệm

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm các sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư , chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động , chi phí thanh lý nhượng bán BĐS đầu tư, chi phí bán hàng, chi phí QLDN.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả khác}$$

b. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh trong mỗi doanh nghiệp.

-Tài khoản 421 “ lợi nhuận chưa phân phối”.

- Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

-Tài khoản 821 “ chi phí thuế TNDN”

- Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.
- Tài khoản 821 – chí phí thuế TNDN bao gồm hai tài khoản cấp 2:
 - + TK 8211: chi phí thuế TNDN hiện hành.
 - + TK 8212: chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- Tài khoản 821 không có số dư.

c. Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

(1) Kết chuyển giá vốn hàng bán

(1a) Phản ánh giá vốn hàng bán

(2) Kết chuyển chí phí bán hàng, chí phí quản lý doanh nghiệp.

(3) Kết chuyển chí phí hoạt động tài chính, chí phí khác.

(4) Kết chuyển chí phí thuế TNDN.

(4a) Phản ánh thuế TNDN.

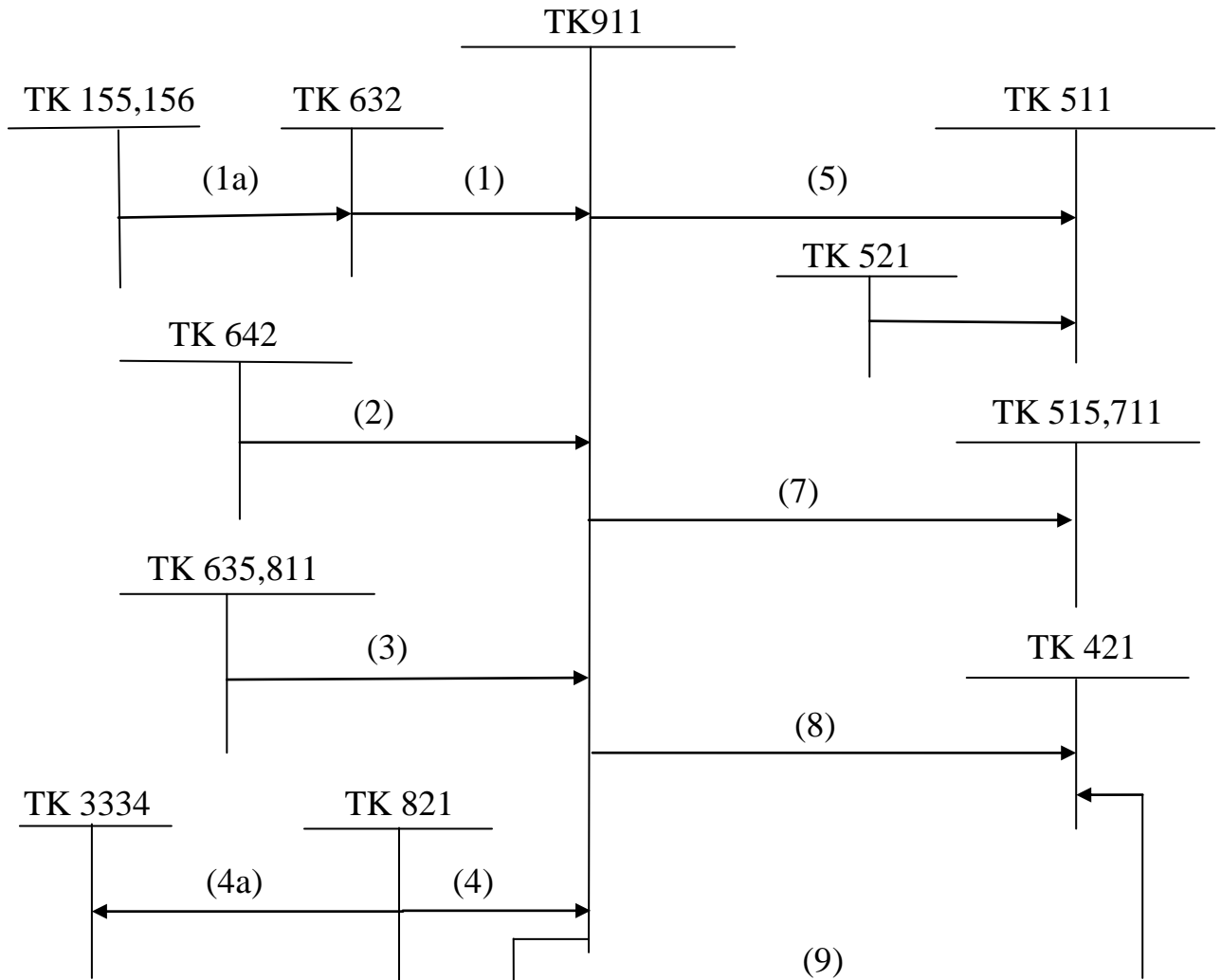
Bên có:

(5) Kết chuyển doanh thu thuần.

(6) Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu.

(7) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

(8) Kết chuyển lỗ



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán TK xác định kết quả kinh doanh.

1.3: Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phản ánh đầy đủ và kịp thời liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ sách và lưu giữ sổ kế toán theo đúng chế độ.

Các doanh nghiệp có thể áp dụng 4 chế độ kế toán như sau:

- + Hình thức Nhật ký chung.
- + Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- + Hình thức Nhật ký – Sổ cái.
- + Hình thức Nhật ký – Chứng từ.

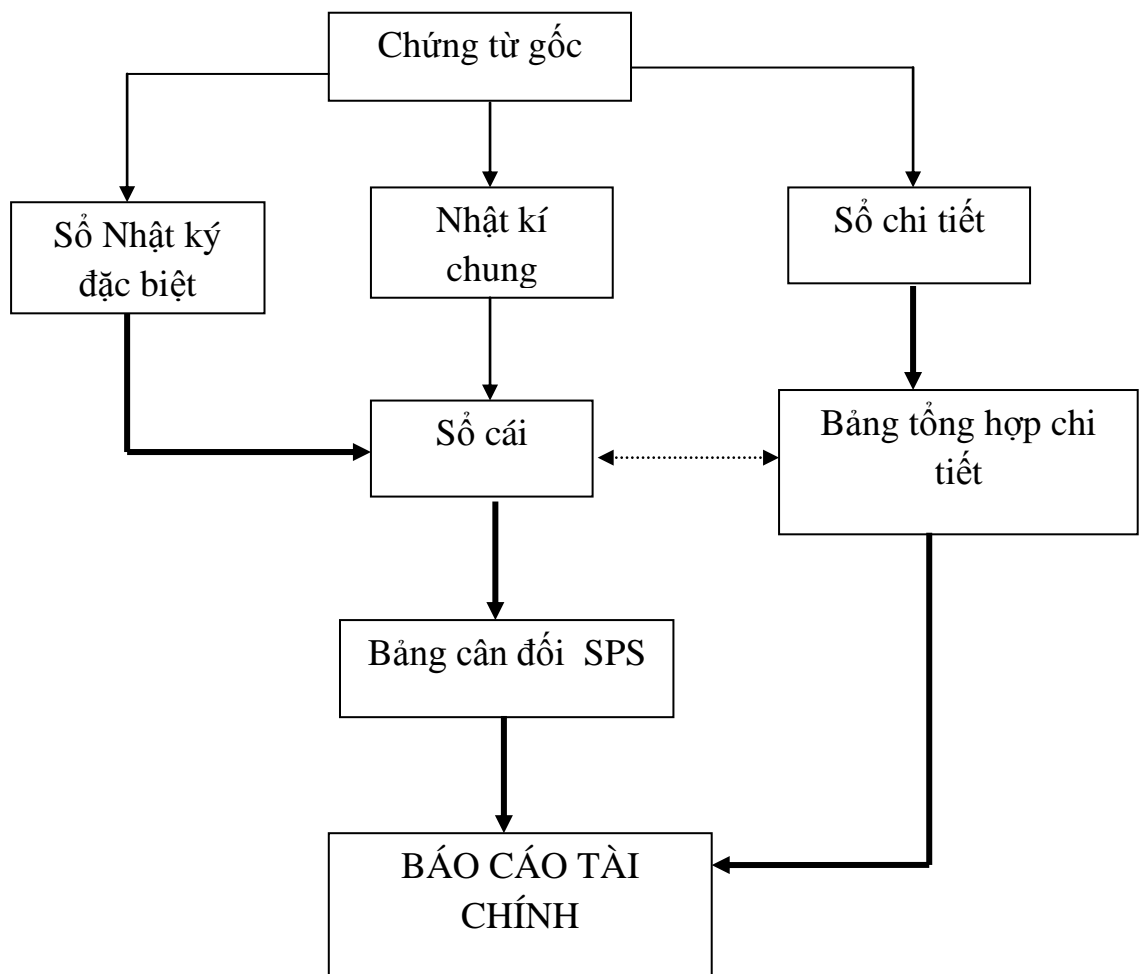
1.3.1: Hình thức Nhật ký chung

a.Đặc trưng cơ bản

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi vào sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

b.Sơ đồ hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu
- > Ghi cuối tháng

1.3.2: Hình thức Chứng từ ghi sổ

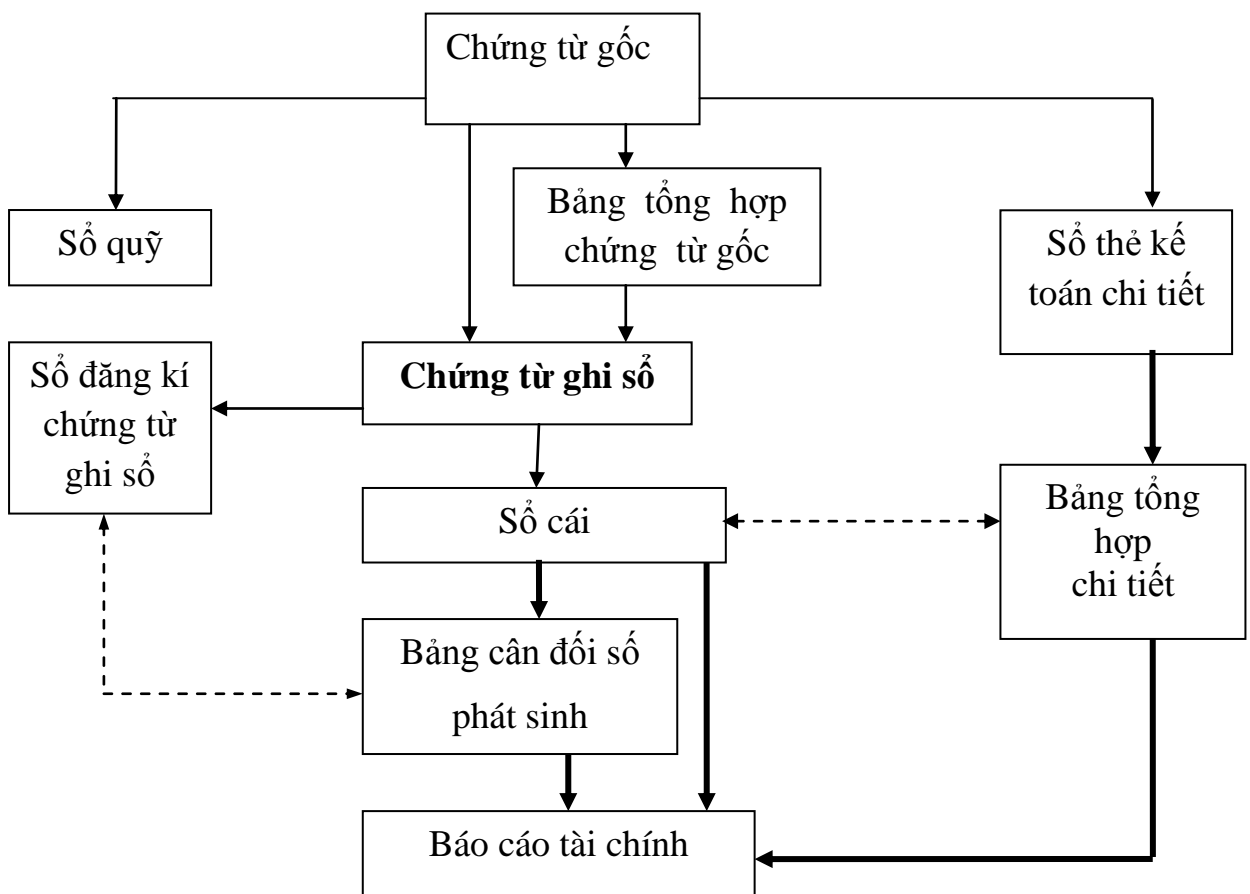
a. Đặc trưng cơ bản

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ được kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

b. Sơ đồ hình thức Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

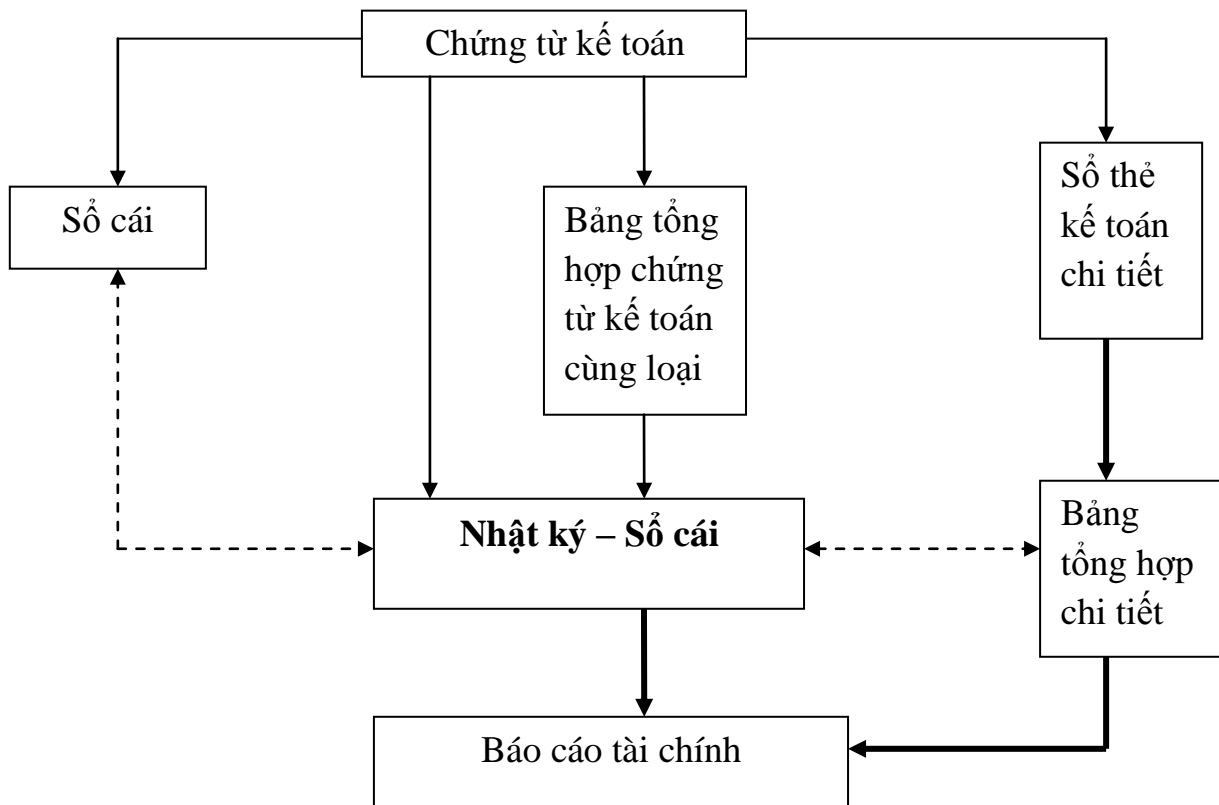
- Ghi hàng ngày.
- Ghi cuối tháng.
- ← - - - - - → Quan hệ đối chiếu kiểm tra.

1.3.3: Hình thức Nhật ký-Sổ cái

a.Đặc trưng cơ bản

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được ghi chép theo thứ tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

b.Sơ đồ hình thức Nhật ký-Sổ cái



Sơ đồ 1.12: hình thức Nhật ký-Sổ cái

Ghi chú:

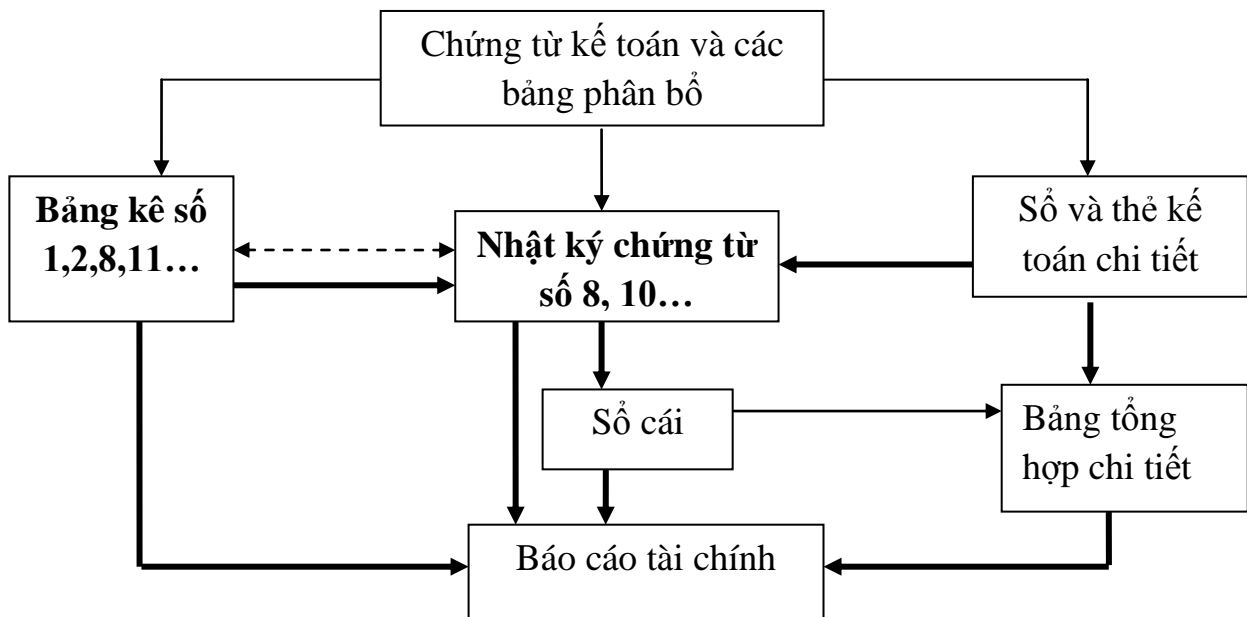
- > Ghi hàng ngày
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu
- > Ghi cuối tháng

1.3.4: Hình thức Nhật ký-Chứng từ

a. Đặc trưng cơ bản

- + Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo tài khoản đối ứng nợ.
- + Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- + Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- + Sử dụng các mẫu số in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

b. Sơ đồ hình thức Nhật ký-Chứng từ



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

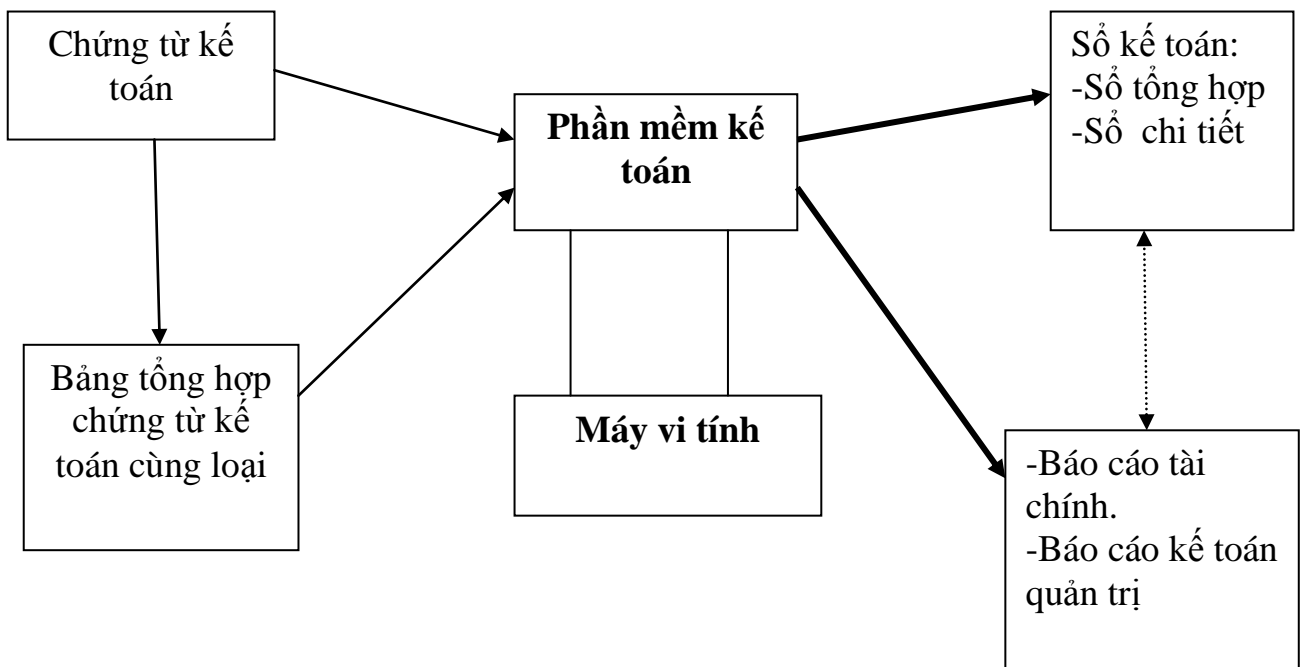
- > Ghi hàng ngày
- ←----> Quan hệ đối chiếu
- > Ghi cuối tháng

1.3.5: Hình thức trên máy vi tính

a. Đặc trưng cơ bản

Đây là một công việc được thực hiện trên một phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo theo nguyên tắc một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký-Sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký-Chứng từ. Phần mềm kế toán không hiện đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

c. Sơ đồ hình thức kế toán trên máy vi tính



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hình thức kế toán trên máy vi tính

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
-→ Quan hệ đối chiếu

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN THANH HƯƠNG

2.1: Khát quát chung về Công ty TNHH In Thanh Hương

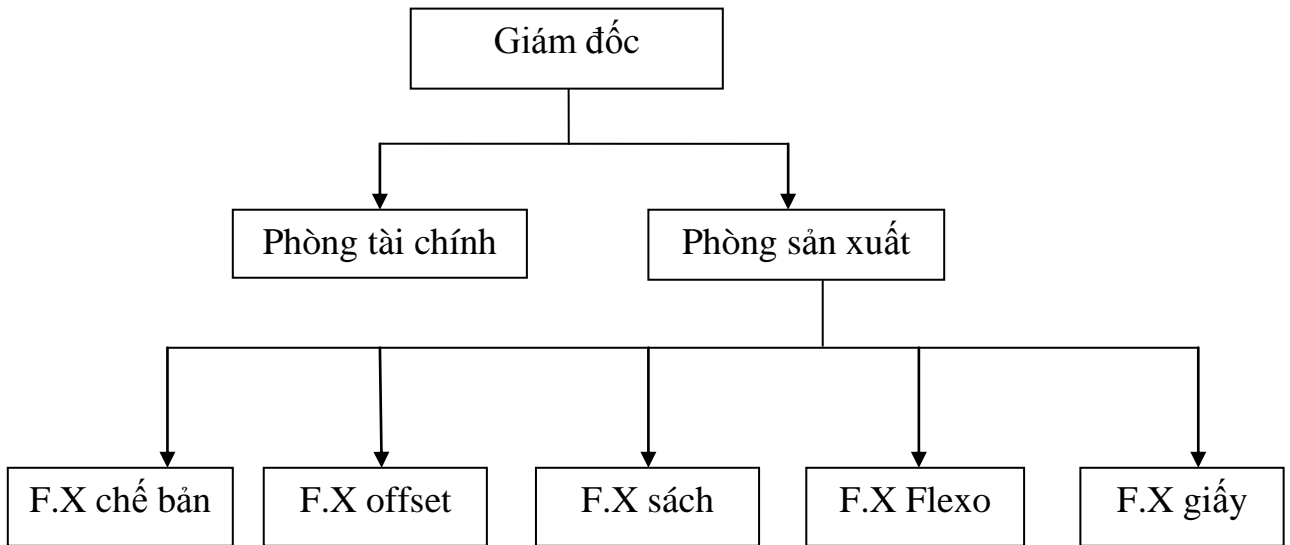
2.1.1: Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH In Thanh Hương

Công ty TNHH In Thanh Hương đăng ký giấy phép kinh doanh 0202000973 21/08/2003 theo quyết định số 427/QP ngày 19/03/1985 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hải Phòng. Công ty TNHH In Thanh Hương là đơn vị thành viên của trong hệ thống ngành in, là doanh nghiệp tư nhân, hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, có tài khoản riêng. Công ty là một doanh nghiệp in tổng hợp của ngành in.

- Tên đầy đủ: Công ty TNHH IN THANH HƯƠNG.
- Tên tiếng anh: THANH HUONG PRINTER COMPANY LIMITED.
- Tên viết tắt: THP CO.LTD
- Trụ sở chính : Số 18/71 cụm 1, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền – Thành Phố Hải Phòng.
- Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Số 75 Trần Khánh Dư – Phường Máy Tơ - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.
- Đăng kí nộp thuế tại Kho bạc Nhà nước.
- Mã số thuế : 0200493899.
- Tài khoản :2611100107003 . Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi Nhánh Hải Phòng.
- Điện thoại : 0313.842668 - Fax : 0253.686998
- Website : www.inthanhhuong.vn
- Vốn điều lệ : 2.000.000.000 (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn)

2.1.2: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

2.1.2.1: Sơ đồ bộ máy công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy công ty

2.1.2.2: Chức năng của các phòng ban

Phòng tổ chức hành chính: Làm tham mưu và giúp việc cho giám đốc về các vấn đề quản lý hồ sơ của công ty, văn thư y tế, quản trị, bảo vệ, tiếp khách, quản lý các vấn đề lao động, sắp xếp nhân lực.

Phòng kế hoạch sản xuất: giao dịch tìm việc làm cho Công ty, ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, công nghệ, kỹ thuật, làm thủ tục thanh lý hợp đồng, kết hợp với phòng tài chính đề xuất phương án giá, xác định chí phí sản xuất gia công sản phẩm. Đây là phòng tham mưu cho Giám đốc về công tác kế hoạch ngắn, dài hạn, trực tiếp điều hành sản xuất của toàn công ty.

F.X chế bản: Có nhiệm vụ sao chép bản vi tính, bình bảng, phối bảng để tạo khuôn in phục vụ cho qui trình in.

F.X in offset: Có nhiệm vụ kết hợp khuôn in, giấy in để tạo ra sản phẩm in theo yêu cầu qui trình kỹ thuật công nghệ.

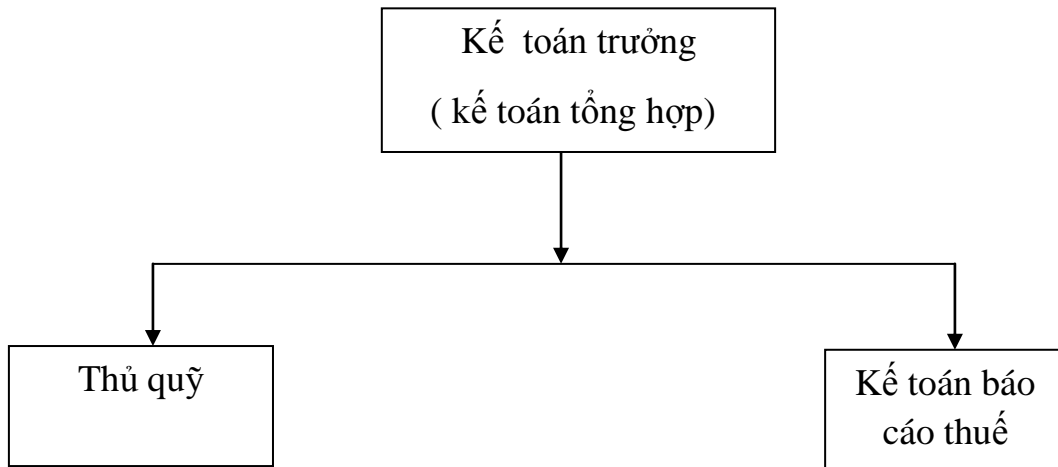
F.X sách: Nhiệm vụ gia công các In phẩm đã được thực hiện theo qui trình công nghệ, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao.

F.X Flexo: In và gia công bao bì màng mỏng PP, PE, bao bì giấy tráng màng trên máy in Flexo.

F.X giấy: Có nhiệm vụ sản xuất giấy khăn thơm và giấy vệ sinh theo đơn đặt hàng, và trực tiếp phục vụ cho hàng nơi tiêu dùng.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH In Thanh Hương

2.1.3.1: Bộ máy kế toán tại công ty



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu phòng kế toán

❖ Nhiệm vụ của từng kế toán

Kế toán trưởng: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra toàn bộ các công tác hạch toán, lập kế hoạch tài chính, dự toán thu chi các hoạt động sản xuất kinh doanh, tham vấn cho giám đốc có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận để tập hợp chi phí, tính giá thành, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty. Có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, thanh toán tiền lương cho công nhân viên. theo dõi, quản lý hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Kế toán báo cáo thuế: Tập hợp các khoản thuế trong kỳ (tháng , quý , năm)

Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

2.1.3.2: Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản tại kế toán.

Chi nhánh công ty TNHH In Thanh Hương tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo quyết định 48 /2006/QĐ-BTC ngày 14/19/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.3: Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán tại công ty.

Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01- DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02- DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03- DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DNN)

2.1.3.4: Các chính sách và phương pháp kế toán tại công ty.

- Niên độ kế toán : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hằng năm.
- Đơn vị tiền tệ : đồng Việt Nam.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho : phương pháp kê khai thường xuyên.
- Giá trị hàng xuất kho : phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc.
- Khấu hao tài sản cố định : phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của BTC.
- Phương pháp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế

2.1.3.5: Hình thức sổ kế toán tại công ty.

Công tác kế toán tại công ty TNHH In Thanh Hương thực hiện phần lớn trên máy tính nhưng không áp dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên bảng Word và Excel. Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương.

2.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH In Thanh Hương.

2.2.1.1: Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty

Phương thức bán hàng

- Bán buôn
- Bán lẻ

Các phương thức thanh toán

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.
- Thanh toán qua ngân hàng
- Thanh toán chậm

2.2.1.2: Tài khoản, chứng từ , sổ sách sử dụng.

Tài khoản sử dụng

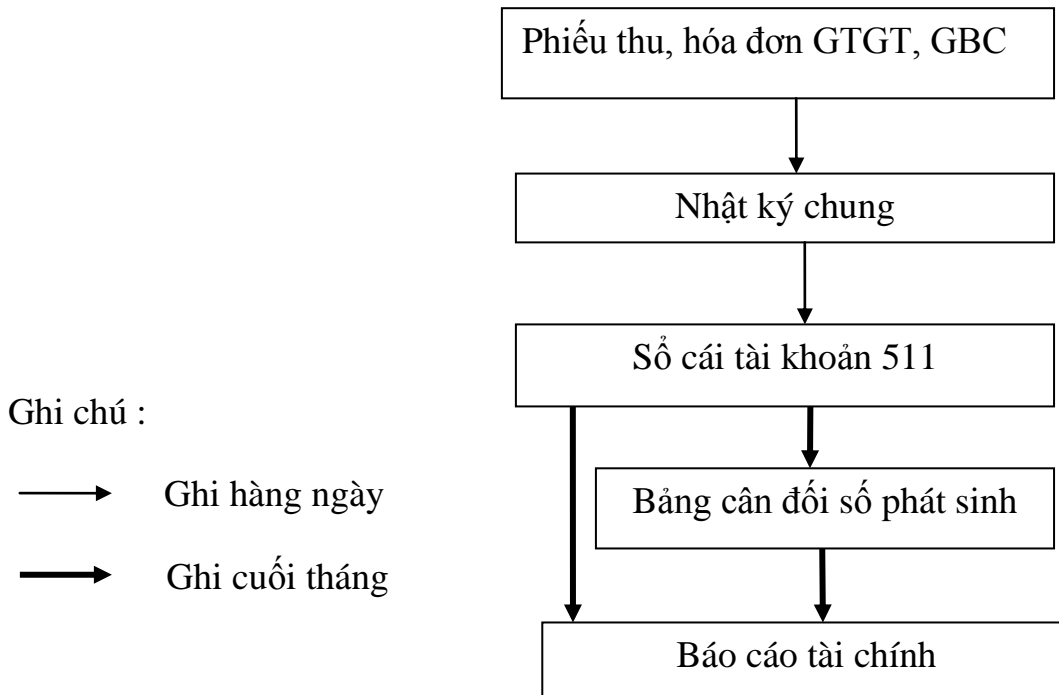
- Tài khoản 511- doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 111,112,131: tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng.

Chứng từ sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, GBC.
- Nhật ký chung
- Sổ cái 511.
- Quá trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty

Căn cứ vào biên bản ký hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hóa, phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hóa cho khách hàng. Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra số lượng, chủng loại hàng hóa có đúng với quy định ghi trong phiếu xuất kho không? Từ đó kế toán lập hóa đơn GTGT về hàng bán.

➤ Quy trình luân chuyển chứng từ trong hạch toán doanh thu



Sơ đồ 2.3: Quy trình kế toán doanh thu bán hàng tại công ty

Ví dụ 1: Ngày 12/12/2013 Công ty In Thanh Hương xuất bán 950 giấy mời cho Công ty TNHH Thương mại Mê Linh trị giá 4.679.700 (chưa bao gồm 10% thuế VAT), đã thu bằng tiền mặt.

Nợ TK 111: 5.147.670

Có TK 511: 4.679.700

Có TK 3331: 467.970

Kế toán tiến hành ghi:

- Hóa đơn GTGT số 00131066 (biểu số 2.1) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.
- Công ty TNHH Thương mại Mê Linh thanh toán tiền hàng, công ty tiến hành ghi phiếu thu số 26 (biểu số 2.2).
- Nhật ký chung (biểu số 2.3).
- Sổ Cái TK 511 (biểu số 2.4).

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: lưu nội bộ Ngày 12/12/2013</p>	<p>Mẫu số 01: GTKT3/001 Ký hiệu AA/13T Số 0013066</p>																																		
<p>Đơn vị bán: Công ty TNHH IN THANH HƯƠNG Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0313.842668 MST: 0200493899.</p>																																			
<p>Họ tên người mua hàng: Trần Văn Tuấn Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH TM Mê Linh Địa chỉ: số 221 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 025.3875.421 Hình thức thanh toán: TM .MST: 0200762152</p>																																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 30%;">Tên hàng</th> <th style="width: 10%;">Đơn vị tính</th> <th style="width: 10%;">Số lượng</th> <th style="width: 10%;">Đơn giá</th> <th style="width: 10%;">Thành tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Thiệp CMNM</td> <td style="text-align: center;">cái</td> <td style="text-align: center;">950</td> <td style="text-align: center;">4.926</td> <td style="text-align: right;">4.679.700</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Cộng tiền hàng:</td> <td style="text-align: right;">4.679.700</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</td> <td style="text-align: right;">467.970</td> </tr> <tr> <td colspan="5">Tổng cộng tiền thanh toán:</td> <td style="text-align: right;">5.147.670</td> </tr> </tbody> </table>						STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	Thiệp CMNM	cái	950	4.926	4.679.700	Cộng tiền hàng:					4.679.700	Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					467.970	Tổng cộng tiền thanh toán:					5.147.670
STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																														
1	Thiệp CMNM	cái	950	4.926	4.679.700																														
Cộng tiền hàng:					4.679.700																														
Thuế suất thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					467.970																														
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.147.670																														
<p>Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi đồng.</p>																																			
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)</p>																															

Biểu số 2.2: Phiếu thu

Mẫu số 01-TT

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN THANH HƯƠNG (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: : 75 Trần Khánh Dư,Ngô Quyền,Hải Phòng ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số: PT00026

Ngày 12/12/2013

TK ghi nợ: 1111: 5.147.670

TK ghi có: 511: 4.679.700

TK ghi có: 3331: 467.970

Người nhận tiền: Đào Thị Mai

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư,Ngô Quyền,Hải Phòng

Lý do thu: thu tiền bán hàng.

Số tiền : 5.147.670

Bằng chữ: năm triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc HĐGTGT số 00131066

Ngày 12 tháng 12 năm 2013

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Thủ quỹ

Người nhận tiền

Biểu số 2.3: trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03- DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư-Ngô Quyền-HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích năm 2013)

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
....
01/12	175	PC	Trả tiền nước sinh hoạt	1543 1111	346 099	346 099
....
11/12	00131046	HĐGTGT	Bán phong bì cho công ty TNHH Liên Quốc	131 511 3331	2 750 000	2 500 000 250 000
11/12	36	PXK	Xuất bán phong bì cho công ty TNHH Liên Quốc.	632 155	1 959 430	1 959 430
12/12	0013046	HĐGTGT	Xuất bán thiệp CMNM cho công ty TNHH Mê Linh	111 511 3331	5 147 670	4 679 700 467 970
12/12	37	PXK	Xuất bán thiệp CMNM cho công ty TNHH Mê Linh	632 155	3 862 700	3 862 700
...
			Tổng cộng		33 459 104 814	33 459 104 814

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.4: trích Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b - DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
2/12/2013	0013002	Xuất bán phim cho công ty cổ phần In & Bao bì	131		4 342 480
2/12/2013	0013003	Xuất bán thiệp CMNM cho khách lẻ	112		133 350
...
11/12/2013	00131045	Xuất bán phong bì cho công ty TNHH Liên Quốc	131		2 500 000
12/12/2013	0013046	Xuất bán thiệp CMNM cho công ty TNHH Mê Linh	111		4 679 700
...
		Cộng số phát sinh		3 340 193 318	3 340 193 318
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1: Nội dung của giá vốn

Giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH In Thanh Hương là trị giá vốn hàng xuất bán. Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả.

Việc tính toán trị giá hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất kho thường chiếm tỉ trọng chủ yếu trong kì kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn hàng bán sẽ dẫn đến sai lệch kết quả bán hàng.

2.2.2.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng

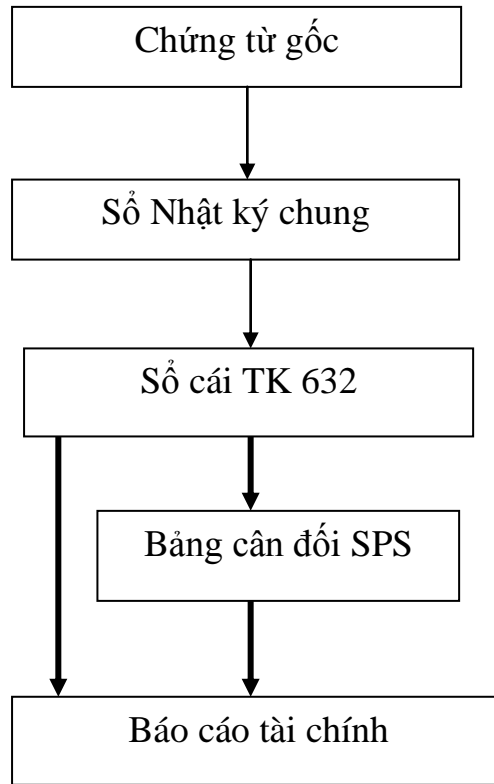
Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 632: giá vốn hàng bán.
- TK 156: giá vốn hàng hóa
- TK 155: thành phẩm

2.2.2.3: Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại chi nhánh Công ty TNHH In Thanh Hương.



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại công ty

Ghi chú:

Ghi sổ hàng ngày \longrightarrow

Ghi sổ cuối tháng \longrightarrow

Ví dụ 2: (minh họa tiếp ví dụ 1)

Ngày 12/12/2013 Công ty In Thanh Hương xuất bán 950 thiệp CMNM Công ty TNHH Thương mại Mê Linh trị giá 4.679.700 (chưa bao gồm 10% thuế VAT), đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 3.862.700

Có TK 155: 3.862.700

Kế toán tiến hành ghi:

- Phiếu xuất kho số (biểu số 2.5)
- Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.6).
- Sổ cái TK 632 (biểu số 2.7)

Cách tính giá vốn thiệp CMNM:

- Tồn đầu kỳ: + Số lượng : 6.000 cái
+ Giá trị : 23.616.000 đồng
- Nhập trong kỳ: + Sản lượng sản xuất : 22.000 cái
+ Giá trị : 90.244.000 đồng
- Đơn giá thiệp CMNM xuất kho = $\frac{23.616.000 + 90.244.000}{6.000 + 22.000} = 4.066$ đồng
- Trị giá thiệp xuất kho: $950 * 4.066 = 3.862.700$

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số: 02 – VT

Bộ phận: Xưởng Nguyên liệu

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ 632:3 862 700

Ngày 12 tháng 12 Trích năm 2013

Có: 155:3 862 700

Số: 00037

- Họ và tên người nhận hàng: Trần văn Chung
- Địa chỉ (bộ phận): công ty TNHH TM Mê Linh
- Lý do xuất kho: - bán hàng VTK Địa điểm: Tổng kho

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư	Danh điểm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thiệp CMNM		Tờ	950	950	4066	3 862 700
	Cộng	x	x	x	x	x	3 862 700

Ngày....tháng....năm...

Người lập
phiếu

Người nhận
hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Phụ trách kho

Biểu số 2.6: trích Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích năm 2013)

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
....
01/12	175	PC	Trả tiền nước sinh hoạt	154 133 111	346 099 17 305	363 404
02/12	176	PC	Thanh toán tiền TH cấp	6422 133 111	100 000 10 000	110 000
....
12/12	00130 46	HĐGT GT	Xuất bán thiệp CMNM cho công ty TNHH Mê Linh	111 5112 3331	5 147 670	4 679 700 467 970
12/12	37	PX	Xuất kho thiệp CMNM bán cho công ty TNHH Mê Linh	632 155	3 862 700	3 862 700
13/12	00130 47	HĐGT GT	Bán phong bì cho khách lẻ	111 511 3331	132 000	120 000 12 000
13/12	38	PX	Xuất bán phong bì cho khách lẻ	632 155	95 700	95 700
....
			Cộng chuyển trang sau			
			Tổng cộng		33 459 104 814	33 459 104 814

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu 2.7: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b – DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
07/12/2013	PX 32	Xuất bán lịch cho báo An ninh Hải Phòng	155	9 356 000	
09/12/2013	PX 33	Xuất bán lịch quảng cáo cho công ty TNHH An Phú	155	18 988 500	
...	
10/12/2013	PX 37	Xuất bán thiệp CMNM cho công ty TNHH Mê Linh	155	3 862 700	
13/12/2013	PX 38	Xuất bán phong bì cho khách lẻ	155	95 700	
...	
25/12/2013		Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3 023 460 230
		Cộng số phát sinh		3 023 460 230	3 023 460 230
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

2.2.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương.

2.2.3.1: Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

Chi phí bán hàng là chi phí những chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình bán hàng hóa bao gồm: chi phí chào hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí QLDN phản ánh chi phí chung của chi nhánh bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý, chi tiền tiếp khách, chi tiền mua văn phòng phẩm...

2.2.3.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ sử dụng:

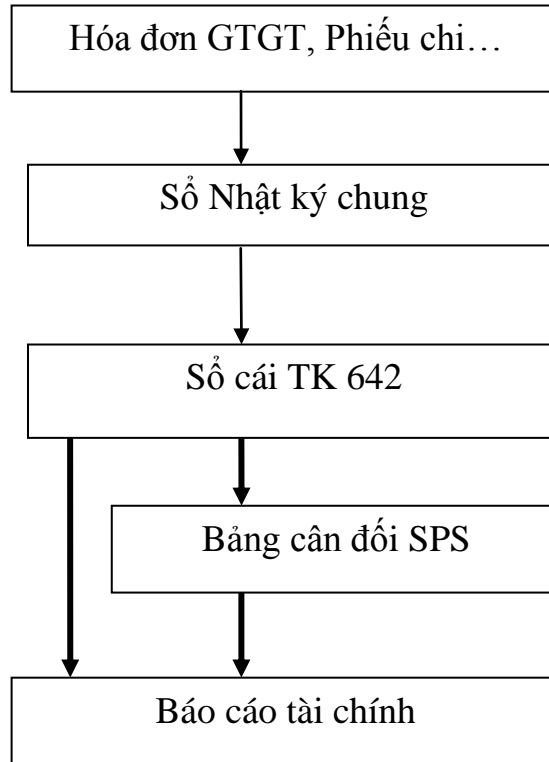
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Giấy báo Nợ của Ngân hàng.
- Phiếu chi.
- Bảng phân bổ tiền lương.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

- TK 6421- chi phí bán hàng
- TK 6422- chi phí QLDN

2.2.3.3: Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty In Thanh Hương.

Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh được khắt quát bằng sơ đồ:



Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty.

Ghi chú:

Ghi sổ hàng ngày →

Ghi sổ cuối tháng →

Ví dụ 3: Ngày 16/12/2013 công ty chi tiền thanh toán tiền cước điện thoại ở bộ phận QLDN với số tiền trị giá 2.333.928 đồng đã bao gồm VAT.

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (biểu số 2.8) kế toán lập Phiếu chi 190 (biểu số 2.9).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 2.121.752

Nợ TK 133: 212.176

Có TK 111: 2.333.928

Ví dụ 4: Ngày 17/12/2013, công ty có phát sinh một khoản sửa chữa máy vi tính phục vụ bộ phận bán hàng trị giá 550.000 đã bao gồm VAT.

Căn cứ vào HD GTGT số 000155 (biểu số 2.10) từ đó kế toán ghi Phiếu chi số 193 (biểu số 2.11)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6421: 500.000

Nợ TK 133: 50.000

Có TK 111: 550.000

Kế toán tiến hành ghi:

- Sổ nhật ký chung (biểu 2.12)
- Sổ cái TK 642 (biểu 2.13)

Biểu số 2.8: Hóa đơn dịch vụ viễn thông

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE
(VAT)

Mẫu số:01GTKT-2LN-03
Ký hiệu:AC/2013T
Số:188722

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng.

Địa chỉ: số 4, Lạch Tray, Ngô quyền, Hải Phòng.

Tên khách hàng (Customer`s name):..... MST: 0200493899

Tên đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương.

Địa chỉ (Address): số 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Số điện thoại: : 0313.842668

Hình thức thanh toán (Kind of payment): TM/CK

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANITITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG:11/2013				
a.Cước dịch vụ viễn thông				2.121.752
b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
c.Chiết khấu+ Đa dịch vụ				0
d.Khuyến mãi				0
e.Trừ tiền đặt cọc+trích thưởng+nợ cũ				0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):				2.121.752
Thuế suất GTGT (VAT rate) : 10% x(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):				212.176
1 + 2 + e Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2)				2.333.928

Số tiền viết bằng chữ (In words):Hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn chín trăm hai tám đồng.

Ngày ...tháng...năm...

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch

Biểu số 2.9: Phiếu chi

Đơn vị: CÔNG TY TNHH IN THANH HƯƠNG (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: PC00190

Ngày 16/12/2013

TK ghi nợ 6422:2.121.752

TK ghi Nợ 133: 212.176

TK ghi Có 111: 2.333.928

Người nhận tiền: Vũ Thanh Mai

Địa chỉ: số 4, Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Lý do chi: chi tiền thanh toán cước điện thoại.

Số tiền : 2.333.928

Bằng chữ: hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn chín trăm hai mươi tám đồng.

Kèm theo :01 chứng từ gốc HĐGTGT số 188722.

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng.
Ngày 17/12/2013

Mẫu số:01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/13P
Số: 000155

Đơn vị bán hàng: Công ty máy tính Hoàng Phát, Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 7 lô 28 Lê Hồng Phong - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 0313.250.888 MST: 0200683571

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Địa chỉ: số 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Số điện thoại: : 0313.842668 MST: 0200493899

Hình thức thanh toán (Kind of payment): TM/CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Sửa chữa máy tính	cái	1	500.000	500.000
Cộng tiền hàng					500.000
Thuế GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					50.000
Tổng cộng tiền thanh toán					550.000

Số tiền viết bằng chữ: năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên)

(Cần đối chiếu kiểm tra, lập giao nhận hóa đơn)

Biểu số 2.11: trích Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số 02 - TT

Địa chỉ: số 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP

(ban hành theo QĐ số 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: PC 00193

Ngày 17/12/2013

Ghi Nợ TK 6421:500.000

Ghi Nợ TK 133: 50.000

Ghi Có TK 111: 550.000

Người nhận tiền: Nguyễn Mạnh Tiên

Địa chỉ: Số 7 lô 28 Lê Hồng Phong - Ngô Quyền - Hải Phòng

Lý do chi: chi tiền thanh toán sửa chữa máy tính.

Số tiền : 550.000

Bằng chữ: năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Kèm theo :01 chứng từ gốc HĐGTGT số 000155.

Đã nhận đủ số tiền:

Ngày 17 tháng 12 năm 2013

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.12 : trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

(Trích năm 2013)

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
...
02/12	176	PC	Thanh toán tiền TH cấp	6422 133 111	100 000 10 000	110 000
...
16/12/2013	188	PC	Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 11/2013	6422 133 111	2 121 752 212 176	2 333 928
17/12/2013	000155	HD GTGT	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính	6421 133 111	500 000 50 000	550 000
17/12/2013	0013064	HĐGT GT	Xuất bán lịch cho công ty Cổ phần bia Tây Âu	131 511 3331	13 200 000	12 000 000 1 200 000
17/12/2013	56	PX	Xuất kho bán lịch cho công ty Cổ phần bia Tây Âu	632 155	9 265.200	9 265 200
...
			Tổng cộng		33 459 104 814	33 459 104 814

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.13 : Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...
2/12	PC 176	Thanh toán tiền TH cấp	111	100 000	
16/12	PC190	Thanh toán tiền điện thoại	111	2 121 752	
17/12	PC193	Thanh toán tiền sửa máy tính	111	550 000	
...
31/12		Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			260 378 866
		Cộng số phát sinh		260 378 866	260 378 866
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

2.2.4: Kế toán xác định doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại chi nhánh công ty TNHH In Thanh Hương.

2.2.4.1: Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty TNHH In Thanh Hương.

Hoạt động của công ty chú trọng chủ yếu vào việc bán hàng hóa, thành phẩm cụ thể là bảng giá, thiệp mời, thiệp cưới, card..... Công ty không tham gia vào hoạt động đầu chứng khoán, góp vốn liên doanh. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là phát sinh do tiền lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do tiền lãi vay ngắn hạn, phí tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.2: Chứng từ và tài khoản sử dụng.

Chứng từ sử dụng:

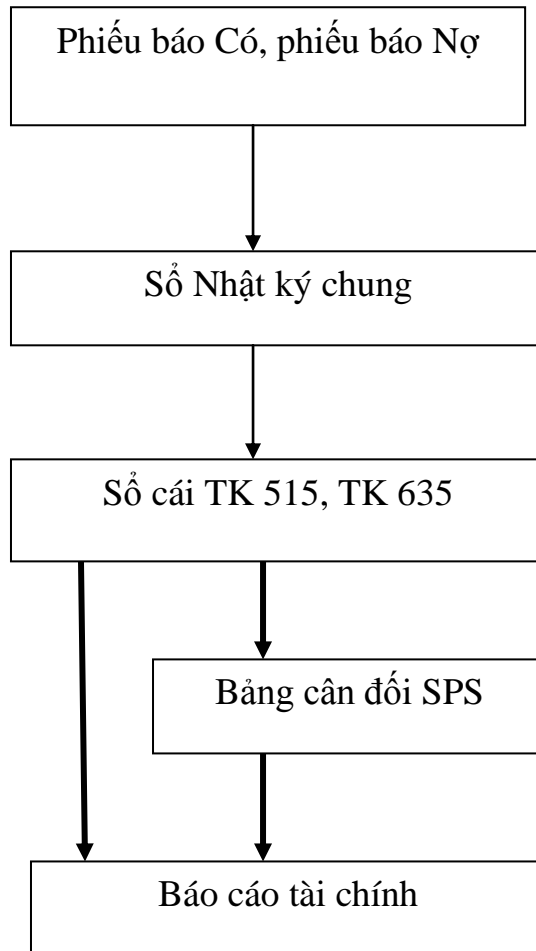
- Phiếu báo Có, Phiếu báo Nợ ngân hàng.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng:

- TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”
- TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”

2.2.4.3: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại chi nhánh công ty TNHH In Thanh Hương

Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại công ty được khái quát trong sơ đồ .



Sơ đồ 2.6: Quy trình kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính tại công ty.

Ghi chú:

Ghi sổ hàng ngày \longrightarrow

Ghi sổ cuối tháng \longrightarrow

Ví dụ 5: Ngày 24/12/2013 công ty nhận được lãi từ hoạt động tài chính nhập vào vốn tại Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền 101.871

Ví dụ 6: Ngày 25/12/2013 công ty tiến hành trả lãi vay cho Ngân Hàng TMCP Á Châu số tiền 2.325.000đ.

Kế toán định khoản:

VD5) Nợ TK 112: 101.871

Có TK 515: 101.871

VD6) Nợ TK 635: 2.325.000

Có TK 112: 2.325.000

Kế toán tiến hành ghi:

- Căn cứ vào giấy báo Có số 024 và giấy báo Nợ số 025 (biểu số 2.12 và 2.13)
- Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.14).
- Sổ Cái TK 515 (biểu số 2.15), sổ Cái TK 635 (biểu số 2.16).

Biểu số 2.14: Phiếu báo Có

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO CÓ

Chi nhánh ACB-HaiPhong

Ngày 24 tháng 12 năm 2013

MaGDV:HANGNTTHP

MaKH :47945

Số GD :123

Kính gửi : Công ty TNHH In Thanh Hương

Mã số thuế : 0200681116

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách

hàng với nội dung sau:

Số Tài khoản ghi CÓ : 24284269

Số tiền bằng số : 101.871

Số tiền bằng chữ : một trăm linh một nghìn tám trăm bảy một đồng.

Nội dung : Lãi nhập vốn.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.15: Giấy báo nợ

Ngân hàng Á Châu

GIẤY BÁO NỢ

Chi nhánh ACB-HaiPhong

Ngày 25 tháng 12 năm 2013

MaGDV:TRANGNTTHP

MaKH :47945

Số GD :099

Kính gửi : Công ty TNHH In Thanh Hương

Mã số thuế : 0200681116

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số Tài khoản ghi NỢ : 24284269

Số tiền bằng số : 2 325 000

Số tiền bằng chữ : hai triệu ba trăm hai năm ngàn đồng chẵn.

Nội dung : trả lãi vay ngân hàng.

Giao dịch viên

Kiểm soát

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.16: trích Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích năm 2013)

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
...
24/12	024	GBC	Lãi nhập vốn Ngân hàng TMCP Á Châu	112 ACB 515	101 871	101 871
25/12	025	GBN	Trả lãi vay Ngân Hàng TMCP Á Châu	6352 112ACB	2 325 000	2 325 000
25/12			Bán túi đựng lịch cho Trung tâm khuyến nông Hải Phòng	632 155	12 585 200	12 585 200
25/12			Bán túi đựng lịch cho Trung tâm khuyến nông Hải phòng	131 511 3331	16 302 000	14 820 000 1 482 000
...
			Cộng chuyển trang sau			
			Tổng cộng		33 459 104 814	33 459 104 814

Ngày.....tháng.....năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.17: Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...			
24/12/2013	GBC 024	Lãi nhập vốn NH TM Á Châu	635		101 817
...			
31/12/2013		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.	5112	491 633	
		Cộng số phát sinh		491 633	491 633
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.18: trích Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 635

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
...			
25/12/2013	GBN025	Trả lãi vay ngân hàng TMCP Á Châu	112ACB	2 325 000	
...			
...			
31/12/2013		Kết chuyển chi phí quản lí doanh nghiệp.	911		110 361 613
		Cộng số phát sinh		110 828 872	110 828 872
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

2.2.5: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong Trích năm 2013 công ty không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương

2.2.6.1: Chứng từ và tài khoản sử dụng

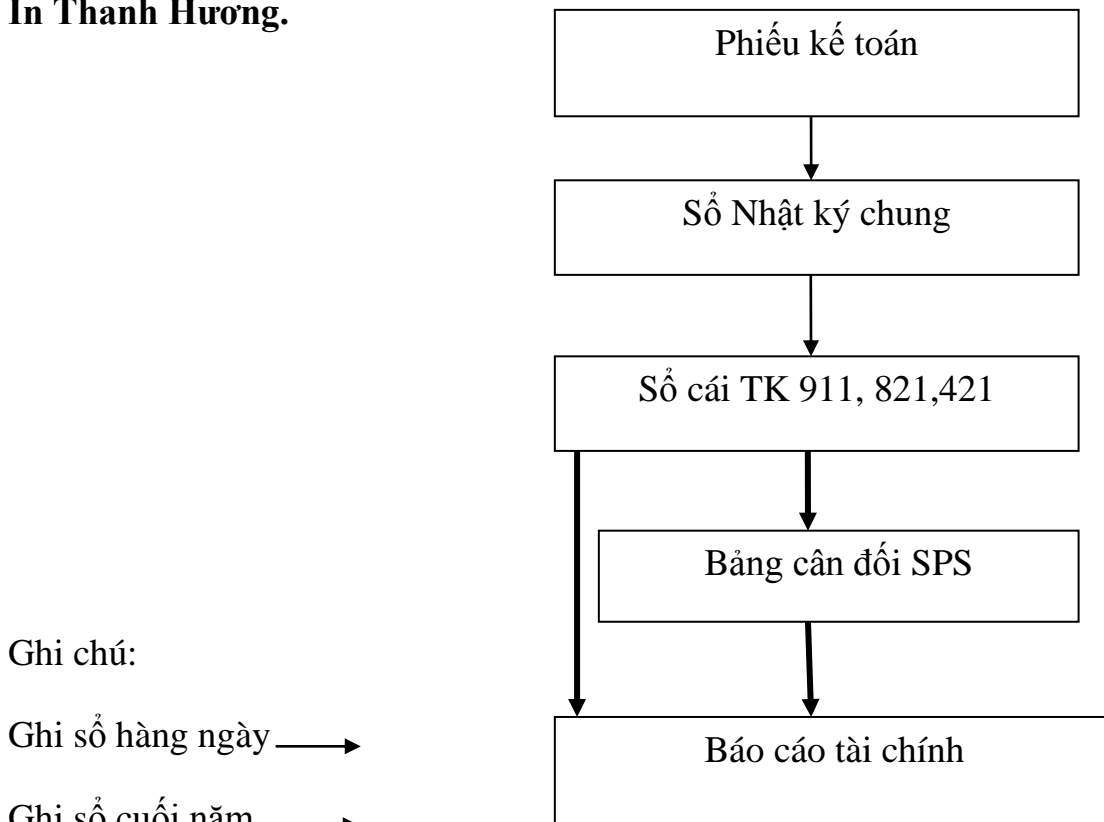
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

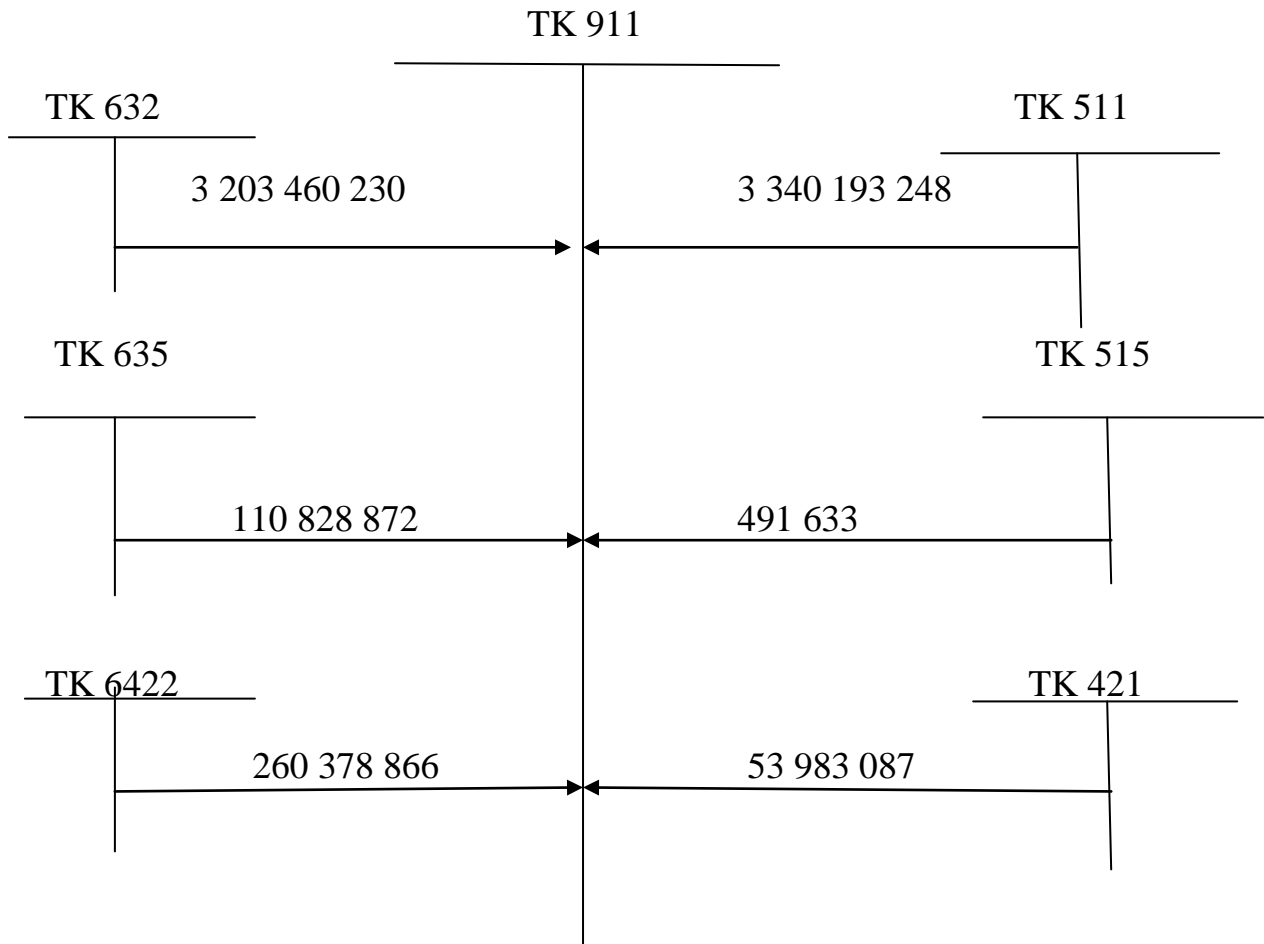
- TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”.
- TK 821 “ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.
- TK 421 “ lợi nhuận chưa phân phối”.

2.2.6.2: Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.



Sơ đồ 2.7: Quy trình kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Ví dụ: Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào Phiếu kế toán. Từ Phiếu kế toán, kế toán vào sổ sách có liên quan. Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ sau:



Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào Phiếu kế toán. Từ Phiếu kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 911 và TK 421.

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán số 01/12

Công ty TNHH In Thanh Hương

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 01/12

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính năm 2013	511	3 340 193 248	
	515	491 633	
	911		3 340 684 881
Cộng		3 340 684 881	3 340 684 881

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán số 02/12

Công ty TNHH In Thanh Hương

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 02/12

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển các khoản chi phí năm 2013	911	3 394 667 968	
	632		3 023 460 230
	635		110 828 872
	642		260 378 866
Cộng		3 394 667 968	3 394 667 968

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán số 03/12

Công ty TNHH In Thanh Hương

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số 03/12

Nội dung	TK	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lỗ năm 2013	911	53 983 087	
	421		53 983 087
Cộng		53 983 087	53 983 087

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu số 2.22: trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích năm 2013)

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	01	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	3 340 193 248	3 340 193 248
31/12	01	PKT	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	491 633	491 633
31/12	02	PKT	Kết chuyển chi phí	911 632 635 642	3 394 667 968	3 023 460 230 110 828 872 260 378 866
31/12	03	PKT	Kết chuyển lỗ	421 911	53 983 087	53 983 087
			Tổng cộng		33 459 104 814	33 459 104 814

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu 2.23: trích Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

(Trích năm 2013)

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
31/12/2013	PKT 01	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 515		3 340 193 248 491 633
31/12/2013	PKT 02	Kết chuyển chi phí	632 635 642	3 023 460 230 110 828 872 260 378 866	
31/12/2013	PKT 03	Kết chuyển lỗ	421		53 983 087
		Cộng số phát sinh		3 394 667 968	3 394 667 968
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Biểu 2.24: trích Sổ cái

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 421

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Trích năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			12 061 050
31/12/2013		Kết chuyển lãi lỗ	911	53 983 087	
		Cộng phát sinh		53 983 087	
		Số dư cuối kỳ		41 922 037	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Công ty TNHH In Thanh Hương
75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, HP

Mẫu số B02-DNN
(ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Trích năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	3 340 193 248	
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01-02)	10	3 340 193 248	
4.Giá vốn hàng bán	11	3 023 460 230	
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20	316 733 018	
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	491 633	
7.Chi phí tài chính	22	110 828 872	
- Trong đó chi phí lãi vay	23		
8.Chi phí quản lý kinh doanh	24	260 378 866	
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)	30	(53 983 087)	
10.Thu nhập khác	31		
11.Chi phí khác	32		
12.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		
13.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(53 983 087)	
14.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(53 983 087)	
17.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

(nguồn số liệu từ phòng kế toán công ty TNHH In Thanh Hương)

Đơn vị: Cty TNHH In Thanh Hương
Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư- Ngô Quyền- HP

Mẫu số F01 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006
/QĐBTC ngày 14/ 9/2006 của Bộ
trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH
Năm 2013

TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	24.237.943		4.476.914.715	4.285.639.088	215.513.570	
112	Tiền gửi ngân hàng	12.195.474		2.377.917.623	2.356.459.556	33.653.541	
131	Phải thu khách hàng	206.573.275		3.643.808.576	3.637.204.351	213.177.500	
133	Thuế GTGT được khấu trừ			266.893.149	266.893.149		
138	Phải thu khác	14.880.954		19.047.619	10.833.329	23.095.244	
142	Chi phí trả trước ngắn hạn	41.185.273		21.266.429	15.519.587	46.932.115	
152	Nguyên liệu, vật liệu	362.771.465		1.768.658.205	1.940.967.173	190.462.497	
153	Công cụ, dụng cụ			21.266.429	21.266.429		
154	CP sản xuất kinh doanh dở dang	204.261.551		2.916.799.786	290.5873.343	215.187.994	
155	Thành phẩm			2.905.873.343	2.902.673.343	3.200.000	
156	Hàng hóa			117.971.602	117.971.602		
211	Tài sản cố định	1.916.469.572		876570.000		2.793.039.572	
214	Hao mòn tài sản cố định		334.082.500		355.103.593		689.186.093

244	Ký quỹ, ký cược dài hạn			20.100.000		20.100.000	
311	Vay ngắn hạn		1.152.000.000	754.000.000	1.080.000.000		1.478000.000
315	Nợ dài hạn đến hạn phải trả			226.544.635	266.544.635		
331	Phải trả cho người bán		289.199.180	1.811.450.816	1.535.132.947		12.881.311
333	Thuế và các khoản phải nộp nn		12.617.460	28.7831.322	311.114.853		35.900.991
334	Phải trả người lao động		29.246.245	49.4861.314	465.615.069		
338	Phải trả, phải nộp khác			31.922.207	31.956.950		34.743
341	Vay nợ dài hạn		338.228.197	226.544.635	400.070.000		511.753.562
411	Nguồn vốn kinh doanh		615.140.875		462.245.000		1.077.385.875
421	Lợi nhuận chưa phân phối		12.061.050	62.841.592		50.780.542	
511	Doanh thu BH và cung cấp DV			3.340.193.248	3.340.193.248		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			491.633	491.633		
632	Giá vốn hàng bán			3.023.460.230	3.023.460.230		
635	Chi phí tài chính			110.828.872	110.828.872		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			260.378.866	260.378.866		
911	Xác định kết quả kinh doanh			3.394.667.968	3.394.667.968		
	Cộng Bảng	2.782.575.507	2.782.575.507	33.459.104.814	33.459.104.814	3.805.142.575	3.805.142.575

(Nguồn số liệu phòng kế toán công ty TNHH in Thanh Hương)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH IN THANH HƯƠNG

3.1: Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

Từ những ngày đầu thành lập cho đến nay. Công ty TNHH In Thanh Hương đã liên tục phát triển và lớn mạnh không ngừng. Để có được thành quả như vậy là nhờ vào sự năng động không ngừng của bộ máy quản lý cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể các cán bộ công nhân viên trong công ty.

Công ty đang cố gắng hoàn thiện một số khâu trong kinh doanh cho phù hợp với tình hình kinh tế thực tế, cố gắng sắp xếp lại bộ máy quản lý gọn nhẹ, lựa chọn đội ngũ nhân viên có tinh thần dám nghĩ, dám làm. Công ty quan tâm đến chất lượng sản phẩm tốt, đa dạng mẫu mã đến người tiêu dùng, mở rộng quy mô hoạt động, tiêu thụ hàng hóa... nhằm tăng cường cạnh tranh đến người tiêu dùng.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại công ty TNHH In Thanh Hương, được tiếp xúc với thực tế công tác nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các anh, chị phòng kế toán em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

3.1.1: Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo quy mô trực tuyến chức năng từ ban giám đốc đến các phòng ban. Để thích ứng với cơ chế thị trường, chi nhánh đã tổ chức bộ máy hoạt động khá gọn nhẹ, giảm bớt các bộ phận gián tiếp, không cần thiết và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám đốc. Với đội ngũ quản lý, nhân sự là việc nhiệt tình, năng động, trung thực giúp cho lãnh đạo công ty có quyết định chính xác, kịp thời khi có những vấn đề khó khăn trong kinh doanh, giảm bớt được tình trạng tiêu cực trong quản lý.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên được thực hiện nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng.

Các nhân viên văn phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình với nghề, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, vì thế công tác kế toán trong công ty phần nào được giảm thiểu sai sót, gian lận.

Công tác kế toán tại chi nhánh đã phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế, theo dõi chặt chẽ tình hình kinh doanh nói chung và tình hình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của từng năm.

Về hình thức kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung” là một hình thức đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng rất phù hợp đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng:

Công ty áp dụng các chứng từ, sổ sách, tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại công ty cơ bản là thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận, quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời, khoa học.

Công ty sử dụng tương đối đầy đủ các tài khoản và sổ sách kế toán, phản ánh doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Sổ sách được mở đúng mẫu quy định, được ghi chép rõ ràng, chính xác.

Về phương thức hạch toán hàng tồn kho:

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương

pháp này giúp doanh nghiệp dễ hạch toán, theo dõi được tình hình biến động của hàng hóa.

Về việc kê khai thuế:

Công ty thực hiện đầy đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế giá trị gia tăng do Nhà nước quy định.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

Các chi phí phát sinh đều được ghi chép kịp thời, hợp lý.

Công tác tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ứng đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

3.1.2: Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đạt được công ty còn gặp phải một số hạn chế ở công tác kế toán như:

Về hệ thống sổ sách kế toán:

Tại công ty TNHH In Thanh Hương có rất nhiều mặt hàng khác nhau về chủng loại, mẫu mã... Trong khi đó kế toán lập sổ sách chi tiết theo dõi cho từng mặt hàng vẫn còn thiếu sót nhiều.

Về việc lập dự phòng phải thu khó đòi:

Phòng kế toán phải theo dõi sát sao các khoản nợ phải thu để công ty thu hồi vốn nhanh tránh đọng vốn, ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Về việc ghi chép sổ sách và áp dụng phần mềm kế toán:

Tại công ty TNHH In Thanh Hương công tác kế toán chủ yếu được tiến hành thủ công và thực hiện trên Excel và Word, dễ dẫn đến nhầm lẫn sai lệch do sao chép các công thức tính toán. Công ty chưa áp dụng phần mềm cho công tác kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, do đó khối lượng

công việc mà mỗi kế toán viên phải đảm nhận khá nhiều, gây sức ép và khó khăn mỗi khi tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính.

3.2: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

3.2.1: Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung: kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả kinh doanh của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không? Đồng thời là cơ sở cho cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng.

3.2.2: Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc thể hiện trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết, khách quan và cần dựa vào một số nguyên tắc sau đây:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

➤ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích kinh doanh của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

➤ Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.2.3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

Dựa trên những hạn chế nêu ra những kiến thức đã học được em xin đưa ra một số giải pháp nhằm mục đích hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH In Thanh Hương.

3.2.3.1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (sổ Nhật ký chung, sổ Cái) chưa mở sổ chi tiết để theo dõi giá vốn của từng mặt hàng. Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng giúp kế toán ghi nhận doanh thu tiêu thụ và giá vốn từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Công ty chưa mở sổ chi tiết theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp. Công ty nên sử dụng yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh giúp kế toán theo dõi được thường xuyên, liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Dưới đây là biểu mẫu Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1), Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2).

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo quyết định 48/2006QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

(tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):...

Năm:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác 5212,5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			-Doanh thu thuần						
			-Giá vốn hàng bán						
			-Lãi gộp						

Ngày.....tháng.....năm...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Mẫu số S18 - DNN

Đơn vị:

(ban hành theo quyết định 48/2006QĐ-BTC)

Địa chỉ:

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(dùng cho các tài khoản 154,631,642,142,242,632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số	Chia ra								
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			Số dư đầu kỳ											
			Số phát sinh trong kỳ											
			Cộng số phát sinh trong kỳ											
			Ghi có TK											
			Số dư cuối kỳ											

Ngày ...tháng...năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Ví dụ 1: Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 phần 2.2.1 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán lên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng cụ thể.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0013186, kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng thiệp CMNM (biểu 3.4).

Ví dụ 2: Trong tháng 12/2013, căn cứ vào chứng từ, kế toán vào sổ chi tiết chi phí QLDN theo các nội dung chi phí. (biểu 3.5)

Kế toán theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bằng TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, tiền thưởng, phụ cấp,... của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong quản lý, chi phí mua đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ dùng cho văn phòng, các khoản phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài như trả tiền điện, nước, điện thoại và chi phí bằng tiền khác. Do đó công ty nên mở thêm sổ chi tiết cho TK 6421 – chi phí bán hàng và TK 6422 – chi phí QLDN để chi tiết theo yếu tố chi phí.

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định 48/2006QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm : Thiệp CMNM

Năm: 2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
...		
12/12	13046	20/12	Xuất bán thiệp CMNM	131	950	4926	4.679.700		
17/12	13054	25/12	Xuất bán thiệp CMNM	131	500	5021	2.510.500		
...		
			Cộng số phát sinh		8650		43.319.200		

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Mẫu số S18 - DNN

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

(ban hành theo quyết định 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ : 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(dùng cho các tài khoản 154,631,642,142,242,632)

Tài khoản 6422: chi phí QLDN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số	Chia ra				
						Chi phí NV QL	Chi phí KHTSCĐ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	6	7	8
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
16/12	PC190	16/12	Thanh toán tiền điện	111	2.121.752				2.121.752	
...							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Số dư cuối kỳ		156.227.320	46.868.196	31.245.464	55.656.900	8.605.200

Ngày ...tháng...năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu số 3.6: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Mẫu số S18 - DNN

Đơn vị: Công ty TNHH In Thanh Hương

(ban hành theo quyết định 48/2006QĐ-BTC

Địa chỉ : 75 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(dùng cho các tài khoản 154,631,642,142,242,632)

Tài khoản 6421: chi phí bán hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số	Chia ra				
						Chi phí NV QL	Chi phí KHTSCĐ	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	6	7	8
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
18/12	PC193	18/12	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính	111	500.000				500.000	
...							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Số dư cuối kỳ		104.151.546	25.984.073	24.863.112	38.906.500	11.512.000

Ngày ...tháng...năm

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

3.2.3.2: Hoàn thiện lập dự phòng phải thu khó đòi ở công ty TNHH In**Thanh Hương**

Hiện nay, công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác như: Công ty TNHH An Thịnh, Công ty Thành Long với các khoản phải thu quá hạn trên 6 tháng. Do đó, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng với các khoản phải thu khó đòi.

Để xác định một khoản nợ phải thu khó đòi phải căn cứ vào các điều kiện sau:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng,..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.
 - + doanh nghiệp không phải trích lập.
 - + Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý kinh doanh phần chênh lệch.
 - + Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập

khác.

Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC các khoản nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”.

Kết cấu và nội dung của TK 159 “Các khoản dự phòng”

Bên Nợ: Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có: Trích lập các khoản dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 159 có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 1591 – “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”
- + TK 1592 – “Dự phòng phải thu khó đòi”
- + TK 1593 – “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC kế toán sử dụng tài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi” để hạch toán các khoản nợ phải thu khó đòi.

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì được hạch toán vào chi phí:

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ.. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 – Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý kinh doanh

Có TK 131 – Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

Hiện nay công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác:

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY

(Tính đến 31/12/2013)

STT	Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
1	Công ty TNHH An Thịnh	21 802 800	6 tháng 15 ngày	6 540 840
2	Công ty Thành Long	74 790 000	10 tháng 25 ngày	22 437 000
	Cộng	106 592 200		28 977 840

Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422: 28 977 840

Có TK 1592: 28 977 840

Đồng thời kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 159.

3.2.3.3. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán

Kế toán làm trên máy dùng bảng tính excel mất rất nhiều thời gian song đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Chính vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn và tự động tính toán, thực hiện các bút toán kết chuyển vừa đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

- Để giải quyết được hạn chế trên, công ty nên:

+ Tổ chức lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên trong phòng kế toán. Số lượng nhân viên trong phòng kế toán còn thiếu, chưa đủ để hoàn thành tốt công việc được giao, công ty có thể bổ sung tuyển thêm nhân viên, ưu tiên những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cao.

+ Công ty nên xem xét áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: Misa Accounting, Vacom Accounting, 3S Accounting,...

+ Theo em, công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán, đặc biệt là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 vì phần mềm kế toán này được thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm: ngân sách, quỹ tiền mặt, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, kho, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, thuế, hợp đồng, cổ đông và tổng hợp. Với những tính năng nổi bật như lập dự toán ngân sách và kiểm soát chi tiêu, phân tích tài chính, tính giá thành theo nhiều phương pháp, in báo cáo thuế kèm mã vạch, thanh toán ngân hàng trực tuyến, quản lý cổ đông, tự động cập nhật qua mạng Internet, ... Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng

+ Báo giá: 9.950.000 VNĐ



3.2.3.4. Một số kiến nghị khác

- Kế toán tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo năm để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm chưa tích cực bởi việc này làm cho nhà quản lý không thể kịp thời nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động tài chính và hoạt động kinh doanh theo từng mặt hàng theo tháng hoặc quý giúp ban lãnh đạo nắm rõ về tỷ suất lợi nhuận của từng mặt hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, vì vậy việc nâng cao chất lượng sản phẩm và xúc tiến công tác quảng cáo là một vấn đề hết sức quan

trọng. Công ty cần tìm mọi biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm, thị trường đầu ra. Một chính sách tốt sẽ làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm của công ty từ đó tăng sự lựa chọn của khách hàng và tạo uy tín với khách hàng. Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa bằng các biện pháp như: Đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, thời hạn thanh toán, giải quyết các mẫu thuẫn phát sinh bằng các biện pháp hợp lý.

3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy cao. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH In Thanh Hương*”.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty TNHH IN Thanh Hương đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện khóa luận này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô, đặc biệt là GVHD – Thạc sĩ Văn Hồng Ngọc cùng các anh chị phòng kế toán trong Công ty TNHH In Thanh Hương đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận.

Sinh viên

Phạm Thị Thu Huyền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính-Nhà xuất bản tài chính).
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và 2 – Nhà xuất bản tài chính).
4. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Trường Đại học kinh tế quốc dân – 2006
5. Các bài khóa luận của sinh viên trường đại học Dân lập Hải Phòng.
6. Số liệu và bảng trích tài liệu từ nguồn tài liệu tại phòng kế toán của Công ty TNHH In Thanh Hương.
7. Các trang web chính thức: ketoanthucte.com, ketoanthue.vn,....